

Số: 35 /KL-TTr

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 7 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra toàn diện việc chấp hành chính sách, pháp luật về tài chính, ngân sách, xây dựng cơ bản và quản lý, sử dụng viên chức, người lao động đối với Đài Phát thanh Truyền hình Sóc Trăng

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Chánh Thanh tra tỉnh Sóc Trăng về việc thanh tra toàn diện việc chấp hành chính sách, pháp luật về tài chính, ngân sách, xây dựng cơ bản và quản lý, sử dụng viên chức, người lao động đối với Đài Phát thanh Truyền hình Sóc Trăng; Quyết định số 26/QĐ-TTr ngày 11/3/2024 về việc gia hạn thời hạn thanh tra. Từ ngày 08/01/2024 đến ngày 29/4/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Đài Phát thanh Truyền hình Sóc Trăng.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 11/6/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của Đài Phát thanh Truyền hình Sóc Trăng, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chánh Thanh tra tỉnh Sóc Trăng kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Đài Phát thanh Truyền hình Sóc Trăng (viết tắt là Đài PTTH) là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (Tự chủ loại 2) thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (viết tắt là UBND tỉnh), thực hiện chức năng báo chí của Đảng bộ, chính quyền tỉnh; chịu sự quản lý nhà nước về báo chí, về truyền dẫn và phát sóng của Bộ Thông tin và Truyền thông (viết tắt là Bộ TTTT); đồng thời, chịu sự quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông (viết tắt là Sở TTTT) theo phân công của UBND tỉnh. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài PTTH thực hiện theo quy định tại Điều 2 Chương I Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 của UBND tỉnh.

Tại thời điểm thanh tra, tổng viên chức và người lao động của Đài PTTH: 106 người, trong đó: 40 viên chức và 66 hợp đồng lao động. Cơ cấu, tổ chức gồm: Ban Giám đốc và 07 phòng chuyên môn¹.

B. KẾT QUẢ THANH TRA (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2023 và 02 dự toán mua sắm năm 2016, năm 2018)

I. VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Đài PTTH chưa thực hiện việc rà soát quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài PTTH trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; chưa tham mưu trình UBND tỉnh quyết định cụ thể số lượng cấp phó của Đài PTTH là chưa đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-

¹ Phòng Tổ chức và Hành chính; Phòng Thời sự; Phòng Chương trình - Văn nghệ và Giải trí; Phòng Kỹ thuật và Công nghệ; Phòng Dịch vụ và Quảng cáo; Phòng Nội dung số và Truyền dẫn; Phòng Chương trình tiếng Dân tộc.

CP; chưa thực hiện phân bổ số lượng người làm việc tại các phòng chuyên môn hàng năm theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP. Chưa kịp thời xét chuyên chức danh nghề nghiệp tương ứng yêu cầu vị trí việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; chưa thực hiện bổ nhiệm ngạch và chuyển xếp lương vào ngạch mới kịp thời, đúng quy định pháp luật đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

- Phương án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính và Đề án vị trí việc làm có sự chênh lệch số lượng người làm việc².

- Việc thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ chưa đảm bảo quy định: 02 trường hợp³ bổ nhiệm viên chức chưa đạt chuẩn⁴ (đã khắc phục 01 trường hợp⁵); 04 trường hợp⁶ bổ nhiệm, điều động bổ nhiệm chưa đảm bảo trình tự, thủ tục và hồ sơ bổ nhiệm (01 trường hợp đã khắc phục thu hồi quyết định⁷); 03 trường hợp⁸ không ban hành thông báo thực hiện quy trình bổ nhiệm lại; 01 trường hợp⁹ bổ nhiệm lại thiếu kết luận tiêu chuẩn chính trị; 01 trường hợp¹⁰ quyết định bổ nhiệm lại nhưng không có quyết định bổ nhiệm lần đầu; 04 trường hợp¹¹ chậm ban hành quyết định bổ nhiệm lại; 03 trường hợp¹² quy định thời hạn bổ nhiệm dưới 05 năm.

- Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch 01 trường hợp¹³ không đúng với kết quả trúng tuyển theo quyết định của Sở Nội vụ dẫn đến các quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn không đúng ngạch, hệ số và thời gian nâng lương lần sau nên trong thời gian dài (từ khi tuyển dụng đến 31/12/2023) viên chức hưởng lương không đúng với vị trí tuyển dụng, không đúng hệ số, nâng lương không đúng thời gian.

- Ký lùi thời gian quyết định nâng bậc lương thường xuyên 01 trường hợp¹⁴.

- Đài PTTH chưa rà soát nhu cầu để xây dựng Kế hoạch thực hiện tuyển dụng số lượng người làm việc theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, chưa kịp thời xem xét tiếp nhận vào làm viên chức đối với những người đang ký hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại khoản

² Số lượng người làm việc theo Phương án tự chủ năm 2021 ít hơn số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt. Số lượng người làm việc theo Phương án tự chủ giai đoạn 2022-2026 nhiều hơn số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt.

³ Bà Lê Thị Minh Thới- Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Dịch vụ và Quảng cáo và ông Trần Phúc Chương.

⁴ Theo Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng, phó trưởng phòng (và tương đương) thuộc các cơ quan hành chính nhà nước, Giám đốc, Phó Giám đốc (và tương đương) các đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban ngành tỉnh và UBND huyện, thành phố thuộc tỉnh. Đến thời điểm hiện tại, bà Lê Thị Minh Thới đã đủ tiêu chuẩn theo Khoản 3 Công văn số 1249/UBND-TH ngày 04/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁵ Quyết định số 325/QĐ-PTTH ngày 15/11/2023 của Giám đốc Đài PTTH về việc không bổ nhiệm lại chức vụ Phó trưởng Phòng Kỹ thuật và Công nghệ thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình (ông Trần Phúc Chương).

⁶ Bổ nhiệm đối với ông Lê Thanh Khiết chức vụ Trưởng Phòng Thời sự và Sơn Kim Mỹ Anh chức vụ Phó trưởng Phòng Chương trình tiếng dân tộc; điều động, bổ nhiệm đối với ông Dương Thanh Hải chức vụ, Phó Trưởng Phòng phụ trách Phòng Chương trình Văn nghệ và Giải trí; điều động, bổ nhiệm đối với ông Nguyễn Tiến Sĩ.

⁷ Quyết định số 265/2022/QĐ-PTTH ngày 17/10/2022 của Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Sóc Trăng về việc điều động ông Nguyễn Tiến Sĩ, Phó Trưởng phòng Thời sự, giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Dịch vụ và Quảng cáo thuộc Đài Phát thanh - Truyền hình đã được thu hồi theo Quyết định số 94/QĐ-PTTH ngày 27/4/2023 của Giám đốc Đài Phát thanh- Truyền hình.

⁸ Ông Dương Trọng Danh, chức vụ: Trưởng Phòng Chương trình tiếng dân tộc; ông Nguyễn Thanh Tông, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Chương trình Văn nghệ và Giải trí; ông Lê Thanh Tuấn, chức vụ: Phó trưởng Phòng Nội dung số và Truyền dẫn.

⁹ Ông Nguyễn Thanh Tông.

¹⁰ Ông Lê Thanh Tuấn, chức vụ: Phó trưởng phòng Nội dung số và Truyền dẫn.

¹¹ Gồm: ông Dương Trọng Danh, ông Nguyễn Thanh Tông, ông Lê Thanh Tuấn, ông Lê Quốc Thắng.

¹² Gồm: ông Lê Thanh Khiết, ông Dương Thanh Hải, ông Lê Thanh Tuấn.

¹³ Ông Trần Trường Duy Lân.

¹⁴ Ông Sơn Sĩ Vinh.

1 Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP mà dùng hình thức ký kết hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn để thay thế cho việc tuyển dụng viên chức trong thời gian dài là không đảm bảo theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ¹⁵.

- Đài PTTH chưa thực hiện ký kết hợp đồng làm việc đối với 39/39 viên chức thuộc thẩm quyền quản lý (số liệu tính đến thời điểm 31/12/2023) là chưa đúng theo quy định Điều 25 Luật Viên chức hiện hành, khoản 2 Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức và Điều 19, Điều 20 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu, số lượng theo Đề án vị trí việc làm, vượt số lượng 10 trường hợp¹⁶. Hợp đồng lao động ký kết nội dung sơ sài, chưa đầy đủ thông tin, những trường hợp vẫn đang làm việc và được chi trả lương nhưng đã hết thời gian hợp đồng mà chưa được tiếp tục ký kết; đa số những người hợp đồng làm công tác chuyên môn chưa được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI CHÍNH

Qua thanh tra, phát hiện tổng sai phạm về tài chính: **17.589.691.871 đ**, cụ thể:

1. Lập dự toán thu: sai phạm: **5.586.578.310 đ** (doanh thu từ nguồn kinh phí đặt hàng)

Đài PTTH lập dự toán kinh phí đặt hàng sản xuất các chương trình truyền nhiệm vụ chính trị phát trên sóng truyền hình từ năm 2020 - 2023 không chính xác, dẫn đến chênh lệch giá trị dự toán, đơn giá sản xuất chương trình truyền hình so với quy định¹⁷: 5.586.578.310 đ.

Nguyên nhân:

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Đài PTTH là đơn vị thực hiện nhiệm vụ sản xuất chương trình truyền hình theo đặt hàng và cũng là đơn vị lập dự toán kinh phí đặt hàng, nhưng việc lập dự toán chưa đảm bảo quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ TTTT; các chi phí gián tiếp có liên quan của sản xuất chương trình truyền hình thời sự tổng hợp ghi hình phát sau, thời lượng 30 phút, Kế toán trưởng của Đài đã vận dụng bằng 50% bảng đơn giá dự thảo Thông tư của Bộ TTTT¹⁸. Tuy nhiên, khi lập dự toán kinh phí Đài PTTH có gửi đến Sở TTTT, Sở Tài chính yêu cầu thẩm định và trình phê duyệt dự toán kinh phí. Qua nghiên cứu hồ sơ kết hợp làm việc với các đơn vị có liên quan:

+ Sở TTTT là đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh về cơ sở pháp lý, quy định cụ thể về nội dung, thể loại, định mức, số tiền, đảm bảo đủ điều kiện tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét¹⁹. Tuy nhiên, Sở TTTT tham

¹⁵ Về hợp đồng đối với một số loại công việc trong đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

¹⁶ Phát thanh viên hạng IV: Vượt 02 người so với Đề án vị trí việc làm; Biên tập viên hạng III: Vượt 07 người so với Đề án vị trí việc làm; Chuyên viên: Vượt 01 người so với Đề án vị trí việc làm.

¹⁷ Tại Mục 4 Phần I; Điểm b4, khoản b, mục có mã số 01.03.02.02.000, Phần II Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của BTTTT về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình.

¹⁸ Theo Công văn số 3920/BTTTT-KHTC ngày 20/11/2018 của Bộ TTTT về việc góp ý về dự thảo đơn giá tối đa sản xuất chương trình truyền hình sử dụng ngân sách.

¹⁹ Công văn số 5598/VP-VX ngày 26/12/2019 của Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng về việc đề nghị nội dung.

muru chưa đầy đủ theo chỉ đạo của UBND tỉnh, tiến hành thẩm định về nội dung, thời lượng phát sóng trên 3 khung giờ, không thẩm định đơn giá; với vai trò là đơn vị được giao nhiệm vụ đặt hàng nhưng Sở TTTT không kiểm tra, làm rõ giá trị dự toán đảm bảo quy định mà gửi Sở Tài chính thẩm định và trình phê duyệt dự toán kinh phí.

+ Sở Tài chính là đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ thẩm định, đề xuất, trình UBND tỉnh²⁰. Tuy nhiên Sở Tài chính tham mưu chưa đầy đủ theo chỉ đạo của UBND tỉnh, bộ phận chuyên môn về thẩm định chưa thực hiện hết trách nhiệm, không làm rõ các chi phí có liên quan của sản xuất chương trình truyền hình thời sự tổng hợp ghi hình phát sau, thời lượng 30 phút theo quy định của Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT mà thống nhất với dự toán kinh phí và trình phê duyệt dự toán kinh phí theo dự toán kinh phí của Đài PTTH đề xuất và Tờ trình của Sở TTTT, từ đó dẫn đến chênh lệch đơn giá chương trình, đồng thời làm tăng giá trị dự toán kinh phí so với quy định. Lãnh đạo Sở Tài chính thiếu kiểm tra, giám sát trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí.

- Nguyên nhân khách quan: Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT quy định chưa cụ thể, nội dung cách tính rất phức tạp, chưa hướng dẫn rõ cách tính để lập dự toán kinh phí đặt hàng, đòi hỏi có nghiệp vụ chuyên môn sâu về tài chính, do áp lực thời gian nhằm đảm bảo kinh phí phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh kịp thời. Mặt khác, Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT có hiệu lực từ ngày 01/7/2018, nhưng đến ngày 06/4/2022 Bộ TTTT mới tổ chức tập huấn nghiệp vụ về quản lý kinh tế trong hoạt động phát thanh, truyền hình (trong đó có tập huấn Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT), tuy nhiên thành phần mời Đại diện Lãnh đạo Đài PTTH và bộ phận liên quan của Đài PTTH, không mời Sở TTTT và Sở Tài chính (đơn vị liên quan). Do đó, các cơ quan tham mưu còn lúng túng, chưa am hiểu hết quy định dẫn đến tham mưu lập, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí đặt hàng có sai sót như nêu trên.

2. Việc thực hiện thu tiền từ hoạt động dịch vụ, không đúng quy định: 2.174.668.440 đ

a) Giảm doanh thu: 1.617.561.165 đ

- Hợp đồng dịch vụ áp dụng đơn giá không đúng đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 14 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính²¹, dẫn đến chênh lệch đơn giá: 246.847.529 đ.

- Thu tiền từ hợp đồng dịch vụ²² với các cơ quan, sở, ngành có nội dung và khung giờ phát sóng trùng với hợp đồng đặt hàng, do Sở TTTT ký hợp đồng với Đài PTTH, số tiền: 1.034.050.000 đ.

- Giảm doanh thu do đơn vị báo cáo trùng chi tiêu trên tờ khai: 336.663.636 đ.

b) Tăng doanh thu: 557.107.275 đ

kinh phí đặt hàng tuyên truyền nhiệm vụ chính trị năm 2020 trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Sóc Trăng.

²⁰ Công văn số 562/VP-VX ngày 14/02/2020 của Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng về việc xem xét nội dung, kinh phí đặt hàng tuyên truyền nhiệm vụ chính trị năm 2020 trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Sóc Trăng

²¹ Hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.

²² Chuyên mục, thông báo, tuyên truyền phát sóng truyền hình.

- Hợp đồng dịch vụ nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành nhưng xuất hoá đơn tài chính phản ánh doanh thu chưa đầy đủ: 98.507.275 đ.

- Hợp đồng dịch vụ tài trợ, áp dụng chương trình khuyến mại vượt quá hạn mức tối đa 50% giá trị theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ²³: 458.600.000 đ.

- Một số hợp đồng kinh tế dịch vụ quảng cáo có quy định mức giảm giá (tỷ lệ từ 33% - 40% giá trị hợp đồng) và cung ứng dịch vụ quảng cáo không thu tiền (tỷ lệ 100% giá trị hợp đồng), không thông qua tập thể Ban Lãnh đạo Đài PTTH, thiếu công khai, minh bạch về tổ chức, hoạt động của đơn vị, thực hiện không đúng quy định tại Điều 9 và điểm d khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; khoản 1 Điều 3 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ. Đơn vị không thực hiện thủ tục hành chính thông báo hoạt động khuyến mại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 17 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

Ngoài ra, một số hợp đồng dịch vụ đã thực hiện nhưng không nghiệm thu, thanh lý; một số đơn giá thu dịch vụ ký hợp đồng dịch vụ về nội dung phát sóng chuyên mục, phóng sự với các sở, ngành cách tính đơn giá chưa phù hợp quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ TTTT.

3. Thực hiện dự toán chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp và hoạt động dịch vụ không đúng quy định: 8.746.680.881 đ.

a) Các khoản chi phí không hợp lý không được tính vào chi phí khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp: 8.717.881.571 đ, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Thanh toán tiền tiếp công dân, xử lý đơn không đúng quy định tại Điều 2, khoản 1 Điều 3 Thông tư số 320/2016/TT-BTC²⁴ số tiền: 38.400.000 đ (02 trường hợp), do thanh toán cao hơn số ngày tiếp dân thực tế thể hiện trên sổ tiếp dân.

- Chi thanh toán nhuận bút, thù lao cho Lãnh đạo Đài (02 người²⁵) và 25 % cho nhóm sản xuất chương trình tiếng dân tộc của Đài PTTH từ năm 2020 - 2022 (phát sóng VTV5 theo đặt hàng của Ban Truyền hình tiếng dân tộc Đài Truyền hình Việt Nam), không có quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ²⁶, số tiền: 263.447.000 đ.

- Chi bồi dưỡng đội bảo vệ Đài PTTH, hạch toán vào chi phí không đúng quy định: 91.800.000 đ.

- Chi thù lao quảng cáo không đúng quy định: 2.888.498.750 đ, do quy chế chi tiêu nội bộ quy định không cụ thể, không được tính vào chi phí hợp lý (việc chi này đã được kiểm toán được nêu tại khoản 1²⁷ Thông báo kết luận, kiến nghị kiểm

²³ Quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

²⁴ Tại Điều 2, khoản 1 Điều 3 Thông tư số 320/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh.

²⁵ Ông Nguyễn Văn Bốn- Giám đốc, ông Lâm Vĩnh Phương- Phó Giám đốc.

²⁶ Nguyên nhân: đơn vị đã chi thù lao, nhuận bút hàng tháng cho cán bộ viên chức Đài theo quy định chi thù lao nhuận bút mà đơn vị xây dựng. Tuy nhiên, chi thêm 25% phần thù lao, nhuận bút cho nhóm sản xuất chương trình tiếng dân tộc và Giám đốc, Phó Giám đốc sau khi đơn vị thu được doanh thu không được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

²⁷ Vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính.

toán số 909/TB-KVV, ngày 07/11/2022 của Kiểm toán nhà nước Khu vực V Thông báo kết luận, kiến nghị kiểm toán về việc kiểm tra năm 2021). Tuy nhiên, Đài PTTH vẫn tiếp tục thực hiện.

- Chi mua bánh cho con em viên chức, người lao động Tết Trung thu, hạch toán vào chi phí không đúng quy định: 29.850.000 đ.

- Thanh toán tiền nộp phạt hành chính, hạch toán vào chi phí không đúng quy định: 1.500.000 đ.

- Các khoản chi không liên quan đến hoạt động sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị, hạch toán vào chi phí không đúng quy định: 374.667.727 đ.

- Tăng chi phí do tính phân bổ thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ: -152.281.906 đ.

- Trích nộp ngân sách nhà nước dự toán tiết kiệm năm 2021 từ nguồn dịch vụ để lại; nộp hoàn trả kinh phí tạm ứng của ngân sách tỉnh để thực hiện nhiệm vụ, hạch toán vào chi phí không đúng quy định: 5.182.000.000 đ.

b) Chi lương không đúng quy định: 28.799.310 đ (02 trường hợp), do đơn vị thiếu sót trong công tác quản lý dẫn đến quyết định bổ nhiệm và xếp lương không đúng ngạch bậc so với kết quả trúng tuyển, ảnh hưởng đến quyền lợi của viên chức và hợp đồng lao động của Đài PTTH Sóc Trăng²⁸.

4. Việc thực hiện mua phim và chương trình

Từ năm 2020 đến ngày 31/12/2023, Đài PTTH Sóc Trăng mua chương trình, mua phim của các công ty: 22.030.710.000 đ (trong đó: phim: 18.958.460.000 đ, chương trình: 3.072.250.000 đ), đã thanh toán: 19.865.210.000 đ, còn lại chưa thanh toán: 2.165.500.000 đ.

Hàng năm, Đài PTTH không ban hành kế hoạch phát sóng phim, chương trình; không họp hội đồng xét duyệt việc mua phim, chương trình để phát sóng (có thành lập Hội đồng²⁹, nhưng đến nay một số thành viên đã chuyển công tác, nghỉ hưu, nghỉ việc, tuy nhiên đơn vị chưa ban hành quyết định thay đổi, bổ sung); không khảo sát giá (mua phim, chương trình) để xây dựng dự toán giá gói thầu; không ban hành kế hoạch lựa chọn nhà thầu từ nguồn thu của đơn vị, thực hiện chỉ định thầu đối với các hợp đồng mua phim không đúng quy định³⁰; việc thực hiện mua phim và chương trình, do Giám đốc thỏa thuận giá cả với các công ty và quyết định ký hợp đồng, không thông qua tập thể Ban Lãnh đạo Đài PTTH, không tổ chức họp hội đồng, thiếu công khai, minh bạch về tổ chức, hoạt động của đơn vị chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 9 và điểm d khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018³¹.

²⁸ Theo Quyết định số 649/QĐ-SNV ngày 07/8/2009 của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng về việc tuyển dụng, phân công viên chức sự nghiệp công lập năm 2009 của ông Trần Trường Duy Lân từ tháng 10/2009 đến 4/2024 chênh lệch số tiền 26.863.336 đ; ông Sơn Sĩ Vinh thanh toán tiền lương không theo Hợp đồng số 09/HĐLĐ-PTTH ngày 01/8/2018 của Đài PTTH Sóc Trăng từ tháng 08/2018-07/2023 chênh lệch số tiền 1.935.974 đ.

²⁹ Quyết định số 353/QĐ-PTTH ngày 08/9/2016 của Giám đốc Đài PTTH.

³⁰ Tại điểm b khoản 2 Điều 22 Luật Đấu thầu năm 2014; khoản 3 Điều 15 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp.

³¹ Điều 9: 1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch thông tin về tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và nội dung khác theo quy định của pháp luật.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, sai phạm: 1.081.764.240 đ.

5.1. Đơn vị khai sai thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN), dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 142 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019: **996.449.398 đ.** Cụ thể:

- Thuế GTGT (Tiểu mục 1701): 152.615.778 đ.
- Thuế TNDN (Tiểu mục 1052): 776.408.456 đ.
- Thuế TNCN (Tiểu mục 1001): 67.425.164 đ.

Nguyên nhân: đơn vị không thực hiện phân bổ thuế GTGT đầu vào theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế và tổng doanh thu vào cuối kỳ quý 4 khi phát sinh doanh thu không chịu thuế theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính; hạch toán chi phí không được trừ vào tính thuế TNDN theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính; kê khai thiếu thu nhập chịu thuế TNCN và khai sai số tiền được giảm trừ của người lao động tại đơn vị và vãng lai theo quy định tại Điều 2, Điều 9, Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

5.2. Việc khai sai thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, dẫn đến số tiền phạt chậm nộp tiền thuế phát sinh theo quy định tại Điều 59 Luật Quản lý thuế năm 2019 (tính đến ngày 26/4/2024): **85.314.842 đ.** Cụ thể:

- Tiền chậm nộp thuế GTGT (tiểu mục 4931): 28.898.522 đ.
- Tiền chậm nộp thuế TNDN (tiểu mục 4918): 38.210.972 đ.
- Tiền chậm nộp thuế TNCN (tiểu mục 4917): 18.205.348 đ.

6. Việc thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ

Từ năm 2020 đến ngày 31/12/2023, Đài PTTH đang sử dụng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 tại Quyết định số 135/QĐ-PTTH ngày 06/09/2019 của Đài PTTH Sóc Trăng. Qua thanh tra phát hiện một số tồn tại thiếu sót như sau:

- Đơn vị không thực hiện bổ sung vào Quy chế chi tiêu nội bộ đối với nội dung “lưu ý bổ sung thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015”, theo văn bản góp ý của Sở Tài chính³².

- Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, đến nay chưa được cập nhật điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung kịp thời, do căn cứ một số văn bản đã hết hiệu lực.

7. Tình hình công nợ

7.1. Các khoản phải thu khách hàng

2. Việc công khai, minh bạch phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời theo trình tự, thủ tục do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quy định và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điểm d Khoản 1 điều 10: Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.

³² Công văn số 3825/STC-NS ngày 16/10/2019 về việc góp ý quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công năm 2019 tại ĐPTTH.

Tổng số nợ phải thu tính đến ngày 31/12/2023: 19.528.479.373 đ, trong quá trình thanh tra các đơn vị đã thanh toán: 12.394.155.525 đ (một số sở bản ngành trong tỉnh đã trả nợ trong tháng 01/2024, một số doanh nghiệp trả nợ sau khi Đoàn thanh tra mời làm việc, số còn lại chưa thanh toán: 7.134.359.848 đ (tính đến ngày 25/4/2024).

Nguyên nhân: Giám đốc có ban hành quyết định thành lập Tổ đối chiếu thu hồi công nợ theo Quyết định số 117/QĐ-ĐPTTH ngày 22/6/2020, nhưng Tổ đối chiếu thu hồi công nợ không tổ chức họp, bộ phận tham mưu (Phòng Tổ chức và Hành chính, Phòng Dịch vụ và Quảng cáo) chưa đưa ra biện pháp thu hồi nợ (hiện nay có một số thành viên của Tổ đã chuyển công tác, nghỉ việc nhưng không điều chỉnh, bổ sung); Lãnh đạo Đài PTTH thiếu quan tâm, kiểm tra, đôn đốc, quản lý lỏng lẻo dẫn đến số nợ phải thu rất lớn trong thời gian dài, có một số khoản nợ từ năm 2015 chuyển sang, tiềm ẩn nguy cơ nợ khó đòi, một số Công ty đến nay không liên hệ được, không rõ thông tin (có khả năng giải thể, phá sản hoặc chuyển trụ sở).

7.2. Tình hình nợ tạm ứng của viên chức, người lao động

Tổng số nợ tạm ứng của viên chức, người lao động đến ngày 31/12/2023: 1.001.083.011 đ, trong quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra đã làm việc với các cá nhân tạm ứng, do đó đã thu hồi nợ tạm ứng: 507.204.758 đ, số còn phải thu hồi: 493.878.253 đ (tính đến ngày 25/4/2024).

Nguyên nhân: Bộ phận tham mưu chưa chặt chẽ; Lãnh đạo Đài PTTH thiếu kiểm tra, giám sát dẫn đến nợ tạm ứng kéo dài, đặc biệt có 01 trường hợp đã nghỉ hưu, 01 trường hợp đã nghỉ việc nhưng đơn vị không thu hồi nợ tạm ứng (hiện nay đã thu hồi được 01 trường hợp nghỉ việc).

8. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản cố định

- Đài PTTH, hằng năm có mở sổ tài sản cố định, báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản cố định theo quy định. Tuy nhiên, đơn vị không công khai mua sắm tài sản hàng năm theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 8 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; không lập sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Việc quản lý tài sản cố định: Đơn vị không thực hiện kiểm kê định kỳ hàng năm về tài sản cố định hiện có thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (nay quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính).

- Một số tài sản, công cụ dụng cụ đã hết thời gian sử dụng nhưng không có nhu cầu sử dụng, đơn vị chưa lập thủ tục thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ theo quy định.

- Đơn vị không xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đơn vị lập thủ tục giao cho Đài truyền thanh các huyện, thị xã (08 huyện, thị xã) quản lý, sử dụng 16 thiết bị (cho mượn), thực hiện chưa đúng quy định tại khoản 1, 4 Điều 6 và Điều 54 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

- Qua kiểm tra, xác minh điển hình việc quản lý, sử dụng thiết bị Dự án tại Đài PTTH ghi nhận việc quản lý, sử dụng thiết bị lỏng lẻo dẫn đến mất 02 Màn hình Dell E2420H 23,8” (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng); bố trí, quản lý, sử dụng thiết bị không đúng quy mô đầu tư, thiết kế của dự án (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng, Gói thầu số 13 thuộc Dự án trang thiết bị Đài PTTH). Hiện nay, Đài PTTH đã bố trí lại thiết bị theo dự án, tuy nhiên vẫn còn nhiều thiết bị không bố trí lại đúng dự án (theo văn bản giải trình của Đài PTTH: bao gồm 34 loại, với số lượng 43 thiết bị. Nguyên nhân do nhu cầu hiện tại các bộ phận của Đài PTTH, để đảm bảo khai thác kịp thời, hiệu quả, nên còn một số thiết bị bố trí chưa đúng với dự án).

III. CÁC DỰ ÁN, GÓI THẦU MUA SẮM TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ

Qua thanh tra đối với 02 dự toán mua sắm³³ và 02 dự án mua sắm³⁴, tổng mức đầu tư/tổng dự toán: 132.668.573.887 đ (trong đó: nguồn vốn ngân sách tỉnh: 33.910.573.887 đ, nguồn vốn ngân sách trung ương³⁵: 98.758.000.000 đ); giá trị thanh toán: 86.919.209.721 đ; giá trị quyết toán: 33.456.769.897 đ. Trong đó, sai phạm 12.500.000 đ. Việc mua sắm tại Đài PTTH phát hiện sai sót như sau:

1. Mua sắm thiết bị nâng cấp hệ thống lưu trữ (năm 2016-2017)

1.1. Hồ sơ Báo cáo và khái toán

- Thiếu nội dung “Phương án tổ chức thực hiện, đưa vào vận hành, khai thác” theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 08/9/2010 của Bộ TTTT quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

- Không nêu chi tiết thông tin dung lượng dữ liệu hiện tại đang lưu trữ và tính toán dung lượng dữ liệu phát sinh trong thời gian tới làm cơ sở đánh giá, xác định nhu cầu dung lượng cần đáp ứng để đầu tư mới.

1.2. Việc thẩm định giá (đơn vị thẩm định giá: Công ty TNHH Giám định và Thẩm định giá Thương Tín (viết tắt là Công ty Thương Tín))

- Hợp đồng thẩm định giá giữa Đài PTTH với Công ty Thương Tín không kèm danh mục³⁶ thiết bị thẩm định giá để làm cơ sở thẩm định giá, thiếu thông tin chính về tài sản thẩm định giá (tên và chủng loại tài sản, đặc điểm về mặt pháp lý và kinh tế - kỹ thuật).

- Đơn vị thẩm định giá (Công ty Thương Tín) thực hiện không đầy đủ quy trình 06 bước theo Tiêu chuẩn thẩm định giá số 05- Quy trình thẩm định giá³⁷ (cụ thể Công ty Thương Tín không có hồ sơ thực hiện từ bước 1 đến bước 5, riêng bước 6 chỉ thực hiện Ban hành Chứng thư thẩm định giá).

³³ Mua sắm thiết bị nâng cấp hệ thống lưu trữ (năm 2016-2017), Mua sắm Hệ thống phim trường ảo (năm 2018-2019).

³⁴ Dự án đầu tư Mua sắm trang thiết bị truyền hình phục vụ Đại hội Đảng các cấp năm 2020; Dự án Đầu tư Trang thiết bị Đài PTTH (2022-2025).

³⁵ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

³⁶ Trong hợp đồng tại trang 1 có thể hiện kèm theo nhưng thực tế không kèm theo danh mục.

³⁷ Thông tư 28/2015/TT-BTC ngày 06/3/2015 của Bộ Tài chính ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05, 06 và 07.

- Tại thời điểm ban hành Chứng thư thẩm định giá không có Báo cáo kết quả thẩm định giá, nhưng Đài PTTH không yêu cầu đơn vị thẩm định giá (Công ty Thương Tín) gửi cung cấp báo cáo kết quả thẩm định giá theo quy định, vi phạm tại khoản 1, khoản 7 Mục II Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05- Quy trình thẩm định giá ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BTC.

- Chứng thư thẩm định giá của đơn vị thẩm định giá không đúng biểu mẫu theo Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BTC (không ghi các căn cứ pháp lý, Phó Tổng giám đốc ký nhưng không giáy Ủy quyền của Tổng Giám đốc).

- Đối với việc thu thập giá của 03 nhà cung cấp: Các bảng chào giá đối với danh mục thiết bị không ghi ngày tháng năm, không nêu nơi nhận, số điện thoại không có thực³⁸, Người đại diện theo quy định pháp luật không ký, chỉ đóng dấu treo (03 bảng chào giá của 03 nhà cung cấp là 03 công ty: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ công nghệ Phương Nam, Công ty TNHH TMDV Công nghệ Nam Tiến, Công ty TNHH TMDV Đạt Hân). Như vậy không ghi ngày tháng năm, nơi nhận bảng chào giá không nêu cụ thể³⁹, không chứng minh 03 bảng chào giá cung cấp cho đơn vị thẩm định giá (Công ty Thương Tín) để phục vụ thẩm định giá. Nên không đủ cơ sở làm tài liệu phục vụ việc thẩm định giá. 03 bảng chào giá không có giá trị pháp lý (thời điểm thẩm định giá) theo quy định tại điểm c khoản 4 Mục II Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam- Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 08 Ban hành kèm theo Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/8/2015 của Bộ Tài chính: *“Giao dịch của tài sản so sánh được lựa chọn phải diễn ra tại hoặc gần thời điểm thẩm định giá nhưng không quá 02 năm tính đến thời điểm thẩm định giá”*.

- Đơn vị thẩm định giá không thực hiện phân tích, so sánh mức giá chào bán (03 bảng chào giá, giao dịch chưa thành công) với giá thị trường, để có sự điều chỉnh hợp lý, không có nội dung phân tích giá thị trường theo quy định, vi phạm điểm b khoản 4 mục II- Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 8 (Ban hành kèm theo Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/8/2015 của Bộ Tài chính).

1.3. Việc thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT)

Sở Tài chính là đơn vị thẩm định KHLCNT. Tuy nhiên Sở Tài chính không lập Báo cáo thẩm định KHLCNT, vi phạm các quy định: điểm b Khoản 1 Điều 37 Luật Đấu thầu năm 2013⁴⁰, khoản 5 Điều 6 Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT⁴¹ ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

³⁸ Số điện thoại thể hiện mã vùng số điện thoại 028 chưa phù hợp Quyết định số 2036/QĐ-BTTTT ngày 21/11/2016 của Bộ TTTT ban hành kế hoạch chuyên đổi mã vùng.

³⁹ Chỉ nêu “Kính gửi: Quý khách hàng”

⁴⁰ Điểm b Khoản 1 Điều 37 Luật Đấu thầu năm 2013: “b) Tổ chức được giao thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu lập báo cáo thẩm định trình người có thẩm quyền phê duyệt”.

⁴¹ Khoản 5 Điều 6 Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT: “5. Tổ chức được giao thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu lập báo cáo thẩm định theo Mẫu số 2 kèm theo Thông tư này để trình người có thẩm quyền phê duyệt”.

1.4. Việc lựa chọn nhà thầu

Với trách nhiệm, Giám đốc Đài PTTH tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật và người có thẩm quyền về quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 75 Luật Đấu thầu năm 2013, thực hiện chưa đúng các quy định như sau:

1.4.1. Lập Hồ sơ yêu cầu (HSYC)

HSYC có tiêu chí kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nhưng trong phần Ghi chú không hướng dẫn về khái niệm hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự, thực hiện chưa đúng quy định tại Mục 2 Chương II Mẫu hồ sơ yêu cầu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT⁴² ngày 27/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc lập hồ sơ yêu cầu đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh và Ghi chú số 11 khoản 2.1 Mục 2 Chương III Mẫu hồ sơ mời thầu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT⁴³ ngày 16/6/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hoá.

1.4.2. Đánh giá hồ sơ đề xuất (HSDX)

a) Thành viên Tổ chuyên gia không có Bản cam kết gửi bên mời thầu trước khi tiến hành đánh giá hồ sơ đề xuất, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT⁴⁴ ngày 21/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu.

b) Đánh giá tính hợp lệ và nhân sự quản lý của Công ty Cổ phần công nghệ DPL (nhà thầu trúng thầu)

Tổ chuyên gia căn cứ vào hồ sơ, tài liệu chưa đầy đủ tính pháp lý (ví: không thông tin về việc nhà thầu gửi bổ sung đến bên mời thầu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày đóng thầu, không thông tin về việc bên mời thầu tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu theo quy định tại Mục 13 Chương I HSYC) để đánh giá tính hợp lệ và nhân sự quản lý của nhà thầu đạt yêu cầu, vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 58 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP⁴⁵ ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

⁴² Mục 2 Chương II Mẫu hồ sơ yêu cầu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT: “Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà bên mời thầu có thể tham khảo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định tại mẫu hồ sơ mời thầu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16/6/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hoá để quy định cho phù hợp, tránh đưa các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng”.

⁴³ Ghi chú số 11 khoản 2.1 Mục 2 Chương III Mẫu hồ sơ mời thầu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT: “(11) ... Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự là hợp đồng trong đó hàng hóa được cung cấp tương tự với hàng hóa của gói thầu đang xét và đã hoàn thành, bao gồm:

- Tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét;

- Tương tự về quy mô: có giá trị hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị của gói thầu đang xét...”

⁴⁴ Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT: “...Từng thành viên tổ chuyên gia phải lập Bản cam kết theo Phụ lục 8 gửi bên mời thầu trước khi tiến hành đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm”.

⁴⁵ Điểm a khoản 3 Điều 58 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP: “a) Bên mời thầu đánh giá các hồ sơ đề xuất được nộp theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Nhà thầu được đánh giá đáp ứng yêu cầu khi có hồ sơ đề xuất hợp lệ; đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm; tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt””.

c) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự của Công ty Cổ phần công nghệ DPL- Nhà thầu trúng thầu.

Danh mục hàng hoá, thiết bị trong 01 hợp đồng do nhà thầu kê khai không cùng chủng loại, không tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét nhưng Tổ chuyên gia không kiến nghị bên mời thầu làm rõ HSDX và đánh giá đạt yêu cầu, sai so với Mục 13 Chương I và tiêu chí 2 khoản 2.1 Mục 2 Chương II HSYC, Ghi chú số 11 khoản 2.1 Mục 2 Chương III Mẫu hồ sơ mời thầu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT, điểm a khoản 3 Điều 58 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

1.4.3. Việc thẩm định HSYC, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

a) Yêu cầu về năng lực của thành viên Tổ thẩm định

- Không có giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nên không đảm bảo về điều kiện năng lực theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Nghị định số 102/2009/NĐ-CP⁴⁶.

- Không chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, không bản cam kết nên không đáp ứng yêu cầu đối với thành viên tham gia tổ thẩm định theo quy định tại điểm a, điểm e khoản 1 Điều 4 Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT⁴⁷ ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

b) Báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

- Không đính kèm Bản chụp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu theo quy định tại khoản 2 Mục I Mẫu số 03- Mẫu báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu, khoản 3 Mục I Mẫu số 05- Mẫu báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.

- Không kèm Phụ lục danh mục tài liệu được cung cấp để thực hiện việc thẩm định hồ sơ yêu cầu, Phụ lục danh mục tài liệu được cung cấp để thực hiện việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mẫu số 03, Mẫu số 05- Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.

c) Đơn vị thẩm định thực hiện chưa đảm bảo nội dung thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 105⁴⁸, điểm b khoản 4 Điều 106 Nghị định số

⁴⁶ Khoản 2 Điều 60: "2. Cá nhân tham gia hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận do các cơ sở đào tạo hợp pháp cấp và phải có giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông".

⁴⁷ Điểm a, điểm e khoản 1 Điều 4 Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT:

"1. Thành viên tham gia tổ thẩm định phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

e) Có bản cam kết theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này".

⁴⁸ Điểm b khoản 2 Điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP: b) Kiểm tra sự phù hợp về nội dung của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu so với quy mô, mục tiêu, phạm vi công việc, thời gian thực hiện của dự án, gói thầu; so với hồ sơ thiết kế, dự toán của gói thầu, yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có); so với biên bản trao đổi giữa bên mời thầu với các nhà thầu tham dự thầu trong giai đoạn một (đối với gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn); so với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan".

63/2014/NĐ-CP⁴⁹ ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (do không phát hiện nội dung HSYC, việc đánh giá HSDX chưa đảm bảo theo quy định).

1.5. Việc thực hiện hợp đồng mua sắm thiết bị

Thời điểm bàn giao thiết bị, nhà thầu chưa nộp Giấy chứng nhận chất lượng (viết tắt từ Tiếng Anh: CQ) nhưng Đài PTTH vẫn nhận và nghiệm thu thiết bị, sai so với cam kết dự thầu và Hợp đồng.

1.6. So sánh giữa giá thẩm định giá, giá trúng thầu với giá nhập khẩu

- Giá thẩm định giá và giá hợp đồng lớn hơn 3,61 lần so với giá nhập khẩu (giá thẩm định giá và giá hợp đồng là 1.997.600.000 đồng/04 bộ, giá nhập khẩu là 553.010.556 đồng/04 bộ), giá trị chênh lệch 1.444.589.444 đ/04 bộ.

- Khi làm việc với Đoàn thanh tra, nhà thầu cung cấp thiết bị (Công ty Công nghệ DPL) cam kết sẽ cung cấp hoá đơn mua thiết bị và giải trình cụ thể bằng văn bản cho Đoàn thanh tra về các chi phí khác liên quan đến thiết bị. Tuy nhiên, đến hiện tại nhà thầu không cung cấp hồ sơ, không giải trình.

2. Mua sắm Hệ thống phim trường ảo (năm 2018-2019)

2.1. Hồ sơ Báo cáo và khái toán

- Thiếu nội dung “Phương án tổ chức thực hiện, đưa vào vận hành, khai thác” theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT.

- Không thể hiện chi tiết: Về yêu cầu phi chức năng, các yêu cầu về an toàn thông tin nhằm đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu của đơn vị (đối với phần mềm); cấu hình, tính năng thiết bị, quy cách,... (đối với Bàn điều khiển).

2.2. Việc thẩm định giá

Hợp đồng thẩm định giá giữa đơn vị thẩm định giá với Đài PTTH không kèm theo danh mục thiết bị thẩm định giá.

2.3. Việc thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT)

Sở Tài chính là đơn vị thẩm định KHLCNT. Tuy nhiên, Sở Tài chính không lập Báo cáo thẩm định KHLCNT, vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Luật Đấu thầu năm 2013, khoản 5 Điều 6 Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT.

2.4. Việc lựa chọn nhà thầu

Với trách nhiệm, Giám đốc Đài PTTH tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật và người có thẩm quyền về quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 75 Luật Đấu thầu năm 2013, thực hiện chưa đúng các quy định như sau:

2.4.1. Việc lập hồ sơ mời thầu (E-HSMT)

a) Hồ sơ mời thầu không ghi thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (tại E-

⁴⁹ Điểm b khoản 4 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP: “- Kiểm tra việc đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn một túi hồ sơ và hai giai đoạn hai túi hồ sơ; việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu;

- Kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình thương thảo hợp đồng”.

CDNT 14.3 Chương II E-HSMT), sai so với quy định tại E-CDNT 14.3 Chương II Mẫu hồ sơ mời thầu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT⁵⁰ ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

b) Tiêu chí doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh: Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm lớn hơn 04 lần so với mức tính toán thông thường theo hướng dẫn tại ghi chú số 4 Mẫu số 03 Chương IV Mẫu hồ sơ mời thầu số 02 Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT, cao hơn mức yêu cầu của gói thầu và có thể hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu, vi phạm quy định tại đoạn 3 điểm a khoản 5 Mục I Chỉ thị số 47/CT-TTg⁵¹ ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu trong các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước.

c) Hồ sơ mời thầu (Phần B Mục 3 Chương III, phạm vi cung cấp - Mẫu số 01A Chương IV, yêu cầu về kỹ thuật - Khoản 2 Chương V) nêu nhãn hiệu, hãng sản xuất của hàng hóa nhưng không ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, vi phạm các quy định: điểm i khoản 6 Điều 89 Luật Đấu thầu năm 2013⁵²; đoạn 1 điểm a khoản 5 Mục I Chỉ thị số 47/CT-TTg⁵³; đoạn 2 và đoạn 3 Chương V Mẫu hồ sơ mời thầu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT⁵⁴.

2.4.2. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu (HSDT) của Công ty TNHH May Mẫn-Nhà thầu trúng thầu

Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự: Danh mục hàng hóa, thiết bị trong 01 hợp đồng do nhà thầu kê khai không cùng chủng loại, không tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét nhưng Tổ chuyên gia không kiến nghị Bên mời thầu làm rõ HSDX và đánh giá đạt yêu cầu, vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 15⁵⁵,

⁵⁰ E-CDNT 14.3 Chương II Mẫu hồ sơ mời thầu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT: “Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng...): ____ [ghi thời hạn]”.

⁵¹ Đoạn 3 điểm a khoản 5 Mục I Chỉ thị số 47/CT-TTg: Không được đưa ra các điều kiện để hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu như: Yêu cầu nhân sự thực hiện gói thầu phải được đóng bảo hiểm xã hội, phải là nhân sự đăng ký hợp đồng với nhà thầu, thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà thầu mà không được đi thuê, đã thực hiện hợp đồng tương tự trên một địa bàn cụ thể... hoặc quy định năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu cao hơn mức yêu cầu của gói thầu...

⁵² Điểm i khoản 6 Điều 89 Luật Đấu thầu năm 2013: “i) Nếu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong hồ sơ mời thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp hoặc gói thầu hỗn hợp khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế”;

⁵³ Đoạn 1 điểm a khoản 5 Mục I Chỉ thị số 47/CT-TTg: “a) Đối với xây dựng HSMT/HSYC

Khi xây dựng yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không được đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu; không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, kể cả việc nêu tên nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ gây ra sự phân biệt đối xử”.

⁵⁴ Đoạn 2 và đoạn 3 Chương V (Mẫu số 02):

“Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, kể cả việc nêu tên nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ gây ra sự phân biệt đối xử.

Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì có thể nêu nhãn hiệu, catalog của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalog đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ”.

⁵⁵ Khoản 1, khoản 7 Điều 15 Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT:

ghi chú số 9 Mẫu số 03 Chương IV Mẫu hồ sơ mời thầu số 02 Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT⁵⁶.

2.4.3. Việc thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

- Không có bản cam kết của thành viên tham gia tổ thẩm định theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 4 Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT⁵⁷ ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

- Báo cáo thẩm định: Không đính kèm Bản chụp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 2 Mục I Mẫu báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu số 02, khoản 3 Mục I Mẫu số 05- Mẫu báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.

- Đơn vị thẩm định thực hiện chưa đảm bảo nội dung thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 105⁵⁸, điểm b khoản 4 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP⁵⁹ ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (do không phát hiện nội dung HSMT, việc đánh giá hồ sơ dự thầu chưa đảm bảo theo quy định).

2.5. Đài PTTH sử dụng con dấu không đúng với Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu: Con dấu mới có giá trị sử dụng từ ngày 28/5/2019 nhưng lại đóng trên các văn bản ban hành trước đó.

3. Dự án đầu tư Mua sắm trang thiết bị truyền hình phục vụ Đại hội Đảng các cấp (gọi tắt là Dự án thiết bị Đại Hội Đảng)

3.1. Việc lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (BCNCKT)

- Tổng mức đầu tư trong BCNCKT không phù hợp quy mô đầu tư, sai so với khoản 2⁶⁰ Điều 27 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

⁵⁶ “1. ... Việc đánh giá E-HSMT được thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và tiêu chuẩn đánh giá nêu trong E-HSMT.

7. Làm rõ E-HSMT: bên mời thầu và nhà thầu tiến hành làm rõ E-HSMT trực tiếp trên Hệ thống”.

⁵⁶ Ghi chú số 9 Mẫu số 03 Chương IV Mẫu hồ sơ mời thầu số 02 Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT: “- Trong tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét”.

⁵⁷ Điểm e khoản 1 Điều 4 Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT:

“1. Thành viên tham gia tổ thẩm định phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

“e) Có bản cam kết theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này”.

⁵⁸ Điểm b khoản 2 Điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP: b) Kiểm tra sự phù hợp về nội dung của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu so với quy mô, mục tiêu, phạm vi công việc, thời gian thực hiện của dự án, gói thầu; so với hồ sơ thiết kế, dự toán của gói thầu, yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có); so với biên bản trao đổi giữa bên mời thầu với các nhà thầu tham dự thầu trong giai đoạn một (đối với gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn); so với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan”.

⁵⁹ Điểm b khoản 4 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP: “- Kiểm tra việc đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn một túi hồ sơ và hai giai đoạn hai túi hồ sơ; việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu;

- Kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình thương thảo hợp đồng”.

⁶⁰ Tổng mức đầu tư dự án là toàn bộ chi phí đầu tư của dự án được xác định cụ thể phù hợp với thiết kế một bước hoặc thiết kế hai bước quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này và các nội dung khác của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình thẩm định BCNCKT không phát hiện tổng mức đầu tư được xác định không phù hợp với quy mô đầu tư, dẫn đến việc thẩm định chưa đảm bảo theo khoản 6⁶¹ Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

3.2. Việc lập, thẩm định thiết kế, dự toán dự án

- Việc xác định dự toán dự án không phù hợp với quy mô đầu tư trong BCNCKT, sai so với khoản 1⁶² Điều 28 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, dự toán không vượt tổng mức đầu tư dự án.

- Việc lập thiết kế, dự toán “Hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin”: (bộ Máy dựng hình HD, chi phí phụ kiện không xác định chi tiết khối lượng làm cơ sở xác định giá thiết bị; chi phí lắp đặt thiết bị không xác định theo quy định tại Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ TTTT⁶³ và Quyết định số 1235/QĐ-BTTTT ngày 04/9/2014⁶⁴; chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ không đúng quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 4 và khoản 2, khoản 4 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính⁶⁵).

- Sở TTTT trong quá trình thẩm định không phát hiện những sai sót trong thiết kế, dự toán dự án, dẫn đến Báo cáo thẩm định chưa đảm bảo phù hợp quy định tại điểm a⁶⁶ khoản 1 và điểm b⁶⁷ khoản 2 Điều 29 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

3.3. Về thẩm định giá (đơn vị thẩm định giá: Công ty TNHH Hằng Kiểm toán và định giá ASCO-Chi nhánh TP.HCM (viết tắt là Công ty ASCO))

- Hợp đồng thẩm định giá giữa Đài PTTH với đơn vị thẩm định giá (Công ty ASCO) không kèm theo danh mục thiết bị thẩm định giá.

- Công ty ASCO thực hiện không đầy đủ quy trình 06 bước theo Tiêu chuẩn thẩm định giá số 05- Quy trình thẩm định giá, do hồ sơ không đủ chứng minh đã thực hiện 06 bước.

- Các Bảng báo giá của 03 Công ty (Công ty TNHH 4TRENDS; Cty CP AZ ENTERTAINMENT; Cty TNHH BLUE PRO SOUND) không ghi ngày tháng năm, nơi nhận báo giá không nêu cụ thể⁶⁸, không chứng minh 03 bảng báo giá cung cấp Công ty ASCO để phục vụ thẩm định giá. Nên không đủ cơ sở làm tài liệu phục vụ việc thẩm định giá, vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Mục II Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam- Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 08 Ban hành kèm theo Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/8/2015.

⁶¹ Trong quá trình thẩm định dự án đầu tư công với những nội dung quy định tại các khoản 4, 5 Điều này, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải rà soát, đối chiếu với các quy định trong quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.....

⁶² Dự toán dự án là toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện dự án được xác định ở giai đoạn thực hiện dự án phù hợp với Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án và thiết kế dự án được duyệt; các yêu cầu công việc khác phải thực hiện.

⁶³ về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin.

⁶⁴ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin.

⁶⁵ hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

⁶⁶ Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế chi tiết so với quy định của pháp luật, bao gồm: các nội dung chính của thiết kế chi tiết, các tài liệu khảo sát và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

⁶⁷ Sự phù hợp của việc áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật, mức chi, đơn giá; việc vận dụng định mức, đơn giá, phương pháp tính, các chế độ, chính sách có liên quan và các khoản mục chi phí trong dự toán theo quy định.

⁶⁸ Chỉ nêu “Kính gửi: Quý khách hàng”

- Đơn vị thẩm định giá (Công ty ASCO) không có hồ sơ khảo sát thị trường, do Bảng báo giá thông tin không rõ ràng, Phiếu thu thập thông tin thị trường không có ký xác nhận của người cung cấp thông tin.

- Đơn vị thẩm định giá (Công ty ASCO) không thực hiện phân tích, so sánh mức giá chào bán (03 bảng báo giá, giao dịch chưa thành công) với giá thị trường, để có sự điều chỉnh hợp lý theo quy định, do Công ty chỉ căn cứ vào 03 báo giá lấy giá thấp nhất, không có nội dung phân tích giá thị trường theo quy định, vi phạm điểm b⁶⁹ khoản 4 mục II- Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 8 (Ban hành kèm theo Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/8/2015 của Bộ Tài chính).

- Một số thiết bị trong Danh mục kèm theo 03 bảng báo giá của 03 đơn vị báo giá không đủ các thông tin chi tiết về thông số kỹ thuật, nhưng các đơn vị báo giá vẫn cung cấp giá trong bảng báo giá, nên Bảng báo giá không đủ tin cậy, Thẩm định viên vẫn sử dụng để thẩm định giá.

3.4. Về lựa chọn nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị (đối với Gói thầu số 09)

a) Đài PTTH tổ chức mua sắm riêng lẻ thiết bị máy vi tính thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung khi chưa có văn bản chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh, sai so với khoản 3⁷⁰ Điều 2 Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Việc lập HSMT: HSMT quy định thời gian gửi tài liệu sửa đổi trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày (theo quy định tối thiểu 10 ngày).

c) Việc đánh giá HSDT: Hợp đồng tương tự chỉ có một số thiết bị tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với thiết bị của gói thầu đang xét do đó không bảo đảm yêu cầu tiêu chí về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự, theo quy định tại điểm 4⁷¹ khoản 2.1 mục 2 Chương III Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16/6/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa.

d) Việc thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu:

Đơn vị thẩm định trong quá trình thẩm định không phát hiện sai sót trong HSMT và Báo cáo đánh giá HSDT. Do đó, việc thẩm định HSMT chưa đảm bảo quy định tại điểm b⁷² khoản 2 Điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu

⁶⁹ b) Đối với các tài sản được chào bán (giao dịch chưa thành công), thẩm định viên cần phải thu thập thông tin, so sánh giữa mức giá chào bán (thường cao hơn giá phổ biến trên thị trường) với giá thị trường để có sự điều chỉnh hợp lý, tìm ra mức giá phù hợp trước khi sử dụng làm mức giá so sánh.

⁷⁰ Các trường hợp không áp dụng mua sắm tập trung:..... Tài sản là bộ máy vi tính có cấu hình cao hoặc có cấu hình đặc thù phục vụ nhiệm vụ chuyên dùng và được Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận mua sắm riêng lẻ, trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông.

⁷¹ Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự là hợp đồng trong đó hàng hóa được cung cấp tương tự với hàng hóa của gói thầu đang xét và đã hoàn thành, bao gồm:

- Tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét;

⁷² Kiểm tra sự phù hợp về nội dung của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu so với quy mô, mục tiêu, phạm vi công việc, thời gian thực hiện của dự án, gói thầu; so với hồ sơ thiết kế, dự toán của gói thầu, yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có); so với biên bản trao đổi giữa bên mời thầu với các nhà thầu tham dự thầu trong giai đoạn một (đối với gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn); so với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan;

về lựa chọn nhà thầu, việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo quy định tại điểm b⁷³ khoản 4 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

e) Đài PTTH không đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu, sai so với điểm đ khoản 1⁷⁴ Điều 8 Luật Đấu thầu năm 2013.

3.5. Nghiệm thu, thanh toán (Đối với Gói thầu số 09)

Chủ đầu tư, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát, nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị nghiệm thu, thanh toán không đủ cơ sở đối với: Loa kiểm âm và tai nghe trong bộ Máy dựng hình HD (do thiết kế, dự toán không có thông số kỹ thuật, trong quá trình nghiệm thu thanh toán không có hồ sơ chất lượng); chi phí phụ kiện, chi phí lắp đặt, đào tạo và chuyên gia công nghệ (chi phí tạm tính trong quá trình lập dự toán, trong quá trình nghiệm thu, thanh toán các đơn vị không tính toán chi tiết khối lượng thực tế thực hiện).

3.6. Mục tiêu đầu tư dự án

Không bảo đảm mục tiêu đầu tư Dự án về thực hiện phim tài liệu, phóng sự, chuyên đề để tuyên truyền, phục vụ, tường thuật trực tiếp chương trình Đại hội của các đảng bộ huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng. Do Đại hội Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 diễn ra ngày 14/10/2020, nhưng Dự án nghiệm thu hoàn thành ngày 28/12/2020. Tuy nhiên, UBND tỉnh chấp thuận cho tiếp tục thực hiện tại Công văn số 4388/VP-VX ngày 25/9/2020.

3.7. Áp dụng hình thức mua sắm không tập trung

a) Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh quy định không áp dụng mua sắm tập trung tại khoản 3 Điều 2 Quyết định số 346/QĐ-UBND, không đảm bảo quy định pháp luật.

b) Sở TTTT tham mưu UBND tỉnh chấp thuận cho Đài PTTH không mua sắm tập trung đối với thiết bị máy vi tính, không đảm bảo quy định pháp luật. Đồng thời, sai so với khoản 3 Điều 2 Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

4. Dự án Đầu tư trang thiết bị Đài Phát thanh và Truyền hình Sóc Trăng (gọi tắt là Dự án trang thiết bị Đài PTTH)

4.1. Về Danh mục và thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức, phương pháp xác định chi phí đối với trang thiết bị

Dự án Đầu tư trang thiết bị Đài Phát thanh Truyền hình Sóc Trăng là dự án đầu tư công, bao gồm các vật tư, thiết bị PTTH, thiết bị công nghệ thông tin. Tại thời điểm thực hiện dự án thì cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực không quy định Danh mục và thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức, phương pháp xác định chi phí đối với thiết bị PTTH. Tuy nhiên Chủ đầu tư không có văn bản báo cáo và xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền để chỉ đạo việc thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn tham khảo, vận dụng định mức của dự án công nghệ thông tin để tính chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, xác định tổng mức đầu tư và dự toán là không có cơ sở, chưa được hướng dẫn, quy định của cơ quan có thẩm quyền, sai

⁷³ Kiểm tra việc đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn một túi hồ sơ và hai giai đoạn hai túi hồ sơ; việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu;

⁷⁴ 1. Các thông tin phải được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu bao gồm:
đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

so với quy định tại khoản 4 Điều 27, khoản 3 Điều 28 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công⁷⁵.

4.2. Việc lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi

- Không phân tích rõ hiện trạng và nhu cầu đầu tư để xác định khối lượng đầu tư (đối với 02 bộ lưu trữ 360TB thuộc Hạng mục Hệ thống mạng và lưu trữ trong Danh mục thiết bị).

- Báo giá làm cơ sở xác định tổng mức đầu tư không ngày, tháng (01/03 báo giá không ghi ngày tháng năm).

- Sở Kế hoạch và Đầu tư (thẩm định BCNCKT) không phát hiện những thiếu sót trên.

4.3. Việc lập, thẩm tra, thẩm định Thiết kế kỹ thuật và dự toán

- Đơn vị tư vấn lập thiết kế kỹ thuật và dự toán triển khai thực hiện gói thầu trước khi ký hợp đồng (Theo phân tích dự toán chi tiết chi phí của đơn vị tư vấn là 14 ngày. Tuy nhiên thời gian thực tế là 03 ngày: Ký hợp đồng ngày 15/11/2022, bàn giao ngày 18/11/2022).

- Danh mục tất cả vật tư, thiết bị trong Hồ sơ dự toán không có cột “đơn vị tính” nên không đủ cơ sở để xác định giá dự toán.

- Chi phí dịch vụ 165 triệu đồng (bao gồm: Lắp đặt hệ thống là 115 triệu đồng; đào tạo và chuyển giao công nghệ là 50 triệu đồng) thuộc Hạng mục Hệ thống mạng và lưu trữ: Hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin nhưng Tư vấn không lập dự toán chi tiết chi phí dịch vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước⁷⁶, khoản 3 Phần I Hướng dẫn số 01/HD-UBND ngày 01/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Sóc Trăng, khoản 2.3, 2.4 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ TTTT ban hành Thông tư quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ TTTT về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin và Quyết định số 1235/QĐ-BTTTT ngày 04/9/2014 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin.

⁷⁵ Khoản 4 Điều 27, khoản 3 Điều 28 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP:

- Khoản 4 Điều 27: “4. Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực quy định tiêu chuẩn, định mức, nội dung chi tiết và phương pháp xác định chi phí làm cơ sở xác định tổng mức đầu tư dự án thuộc ngành, lĩnh vực quản lý”.

- Khoản 3 Điều 28: “3. Dự toán dự án được xác định trên cơ sở tính toán các khoản chi phí quy định tại khoản 3 Điều 27 của Nghị định này tại thời điểm lập dự toán dự án và theo các quy định về tiêu chuẩn, định mức, phương pháp đo cơ quan có thẩm quyền ban hành”.

⁷⁶ Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP: “4. Trường hợp dự án trong lĩnh vực khác có hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin, việc quản lý chi phí, quản lý chất lượng hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin đó thực hiện theo quy định tại Nghị định này”.

- Khoản 3 Phần I Hướng dẫn số 01/HD-UBND:

“Trường hợp dự án trong lĩnh vực khác có hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin (Khoản 4, Điều 6, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP): Trường hợp dự án trong lĩnh vực khác có hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin, việc quản lý chi phí, quản lý chất lượng hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP”.

- Nhiều công tác nêu chỉ tiêu kỹ thuật và yêu cầu kỹ thuật chung chung, không thể hiện chi tiết về thông số kỹ thuật (bản vẽ, hình dáng, quy cách, kích thước, loại và đơn giá vật tư, phụ kiện, cấu hình đối với thiết bị điện tử; phiên bản đối với hệ điều hành và phần mềm,...) nên việc xác định giá dự toán là không đủ cơ sở, không có cơ sở cho việc mời thầu, thi công, lắp đặt, giám sát, nghiệm thu (bao gồm 18 công tác).

- Đơn vị tư vấn thẩm tra, đơn vị thẩm định (Phòng Tổ chức và Hành chính thuộc Đài PTTH): Không phát hiện những nội dung như Đoàn thanh tra phát hiện; báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định không chính xác (đối với Chi phí dịch vụ thuộc Hạng mục Hệ thống mạng và lưu trữ), vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 29 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP⁷⁷.

4.4. Về thẩm định giá (gói 13, gói 14) (đơn vị thẩm định giá: Công ty Cổ phần thẩm định giá Thiên Phú (viết tắt là Công ty Thiên Phú)

- Hợp đồng thẩm định giá giữa Đài PTTH với đơn vị thẩm định giá (Công ty Thiên Phú) không kèm theo danh mục thiết bị thẩm định giá.

- Các Bảng chào giá/báo giá của 03 đơn vị, đều không thể hiện “đơn vị tính”, trong đó có 02 đơn vị không ghi ngày chào giá/báo giá. Nên không đủ cơ sở làm tài liệu phục vụ việc thẩm định giá, vi phạm quy định tại điểm c⁷⁸ khoản 4 Mục II Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam- Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 08 Ban hành kèm theo Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/8/2015 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo kết quả thẩm định giá không thể hiện “đơn vị tính”, không đủ cơ sở làm tài liệu phục vụ việc thẩm định giá và ban hành Chứng thư thẩm định giá.

- Đơn vị thẩm định giá (Công ty Thiên Phú) thực hiện không đầy đủ quy trình 06 bước theo Tiêu chuẩn thẩm định giá số 05- Quy trình thẩm định giá (do hồ sơ không đủ chứng minh đã thực hiện 06 bước).

- Đơn vị thẩm định giá (Công ty Thiên Phú) không thực hiện phân tích, so sánh mức giá chào bán (03 bảng chào giá/báo giá, giao dịch chưa thành công) với giá thị trường, để có sự điều chỉnh hợp lý theo quy định, do đơn vị thẩm định chỉ căn cứ vào 03 bảng chào giá/báo giá lấy giá thấp nhất, không có nội dung phân tích giá thị trường theo quy định, vi phạm điểm b⁷⁹ khoản 4 mục II- Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 8 Ban hành kèm theo Thông tư số 126/2015/TT-BTC.

⁷⁷ Điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 29 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP:

“1. Nội dung thẩm định thiết kế chi tiết

a) Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế chi tiết so với quy định của pháp luật, bao gồm: các nội dung chính của thiết kế chi tiết, các tài liệu khảo sát và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

2. Nội dung thẩm định dự toán

a) Sự phù hợp giữa khối lượng thiết kế chi tiết và khối lượng dự toán;

b) Sự phù hợp của việc áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật, mức chi, đơn giá; việc vận dụng định mức, đơn giá, phương pháp tính, các chế độ, chính sách có liên quan và các khoản mục chi phí trong dự toán theo quy định”.

⁷⁸ Giao dịch của tài sản so sánh được lựa chọn phải diễn ra tại hoặc gần thời điểm thẩm định giá nhưng không quá 02 năm tính đến thời điểm thẩm định giá.

⁷⁹ b) Đối với các tài sản được chào bán (giao dịch chưa thành công), thẩm định viên cần phải thu thập thông tin, so sánh giữa mức giá chào bán (thường cao hơn giá phổ biến trên thị trường) với giá thị trường để có sự điều chỉnh hợp lý, tìm ra mức giá phù hợp trước khi sử dụng làm mức giá so sánh.

- Một số thiết bị trong Danh mục kèm theo 03 bảng chào giá/báo giá không đủ các thông tin chi tiết về thông số kỹ thuật, nhưng các đơn vị chào giá/báo giá vẫn cung cấp giá trong bảng chào giá/báo giá, nên Bảng chào giá/báo giá không đủ tin cậy. Thẩm định viên vẫn sử dụng để thẩm định giá.

4.5. Việc lựa chọn nhà thầu

4.5.1. Đối với Gói thầu số 13

Với trách nhiệm, Giám đốc Đài PTTH tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật và người có thẩm quyền về quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 75 Luật Đấu thầu năm 2013, thực hiện chưa đúng các quy định của pháp luật như sau:

a) Việc lập hồ sơ mời thầu (E-HSMT)

Tư vấn yêu cầu thêm vật tư, thiết bị, phần mềm không có trong hồ sơ thiết kế kỹ thuật (đối với Danh mục hàng hoá số 91), sai so với quy định tại đoạn 1 điểm b mục 1.2 Chương V Mẫu số 2B Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT⁸⁰ ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

b) Việc đánh giá đối với hồ sơ dự thầu của Nhà thầu trúng thầu

Nhà thầu không ghi nhãn hiệu, xuất xứ (đối với một số vật tư, thiết bị, phần mềm kèm theo thuộc Danh mục hàng hoá số 91) nhưng Tổ chuyên gia không làm rõ và đánh giá “đạt”, vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32⁸¹, chỉ dẫn nhà thầu số 26.5 Chương I Mẫu Hồ sơ mời thầu số 2B⁸² ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT.

c) Việc thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

Đơn vị thẩm định thực hiện chưa đảm bảo nội dung thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 105, điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP (do không phát hiện nội dung HSMT, việc đánh giá hồ sơ dự thầu chưa đảm bảo theo quy định).

d) Việc giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu

⁸⁰ Đoạn 1 điểm b mục 1.2 Chương V Mẫu số 2B Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT:

“b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô, các thông số bảo hành... được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Bên mời thầu phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau:

- Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Bên mời thầu xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá E-HSDT. Do đó, nếu thông số kỹ thuật được xác định đầy đủ, rõ ràng thì sẽ giúp nhà thầu chuẩn bị tốt E-HSDT và có tính đáp ứng cao, đồng thời giúp Bên mời thầu nghiên cứu, đánh giá và so sánh các E-HSDT”.

⁸¹ Điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT:

“a) Việc đánh giá E-HSDT phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT và các yêu cầu khác trong E-HSMT, các tài liệu làm rõ E-HSMT, căn cứ vào E-HSDT đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ E-HSDT của nhà thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu”;

⁸² Chỉ dẫn nhà thầu số 26.5 Chương I Mẫu số 2B Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT: “26.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 26.1 E-CDNT”.

Nhà thầu có kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu, đơn kiến nghị của nhà thầu không hợp lệ, Đài PTTH (Chủ đầu tư dự án, Bên mời thầu) gửi văn bản của đơn vị Tư vấn đấu thầu (về việc trả lời đối với Đài PTTH) trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Tuy nhiên, Đài PTTH không thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc không xem xét, giải quyết kiến nghị trong trường hợp kiến nghị của nhà thầu không đáp ứng điều kiện, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 120 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP⁸³.

e) Nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá nhưng Bên mời thầu không yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này (bao gồm 16 loại thiết bị) trong giai đoạn đánh giá hồ sơ dự thầu hoặc thương thảo hợp đồng (theo quy định tại chỉ dẫn nhà thầu 15.5 và 32.4 Chương I Mẫu Hồ sơ mời thầu số 2B ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT⁸⁴.

4.5.2. Đối với Gói thầu số 14

Chủ đầu tư, tư vấn quản lý dự án không có hồ sơ yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ đối với 04 loại hàng hóa Nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá, theo hướng dẫn tại mục 15.5 Chương I Mẫu số 2B Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT.

5. Việc ký hợp đồng, thực hiện hợp đồng (Đối với Gói thầu số 13)

- Khi ký hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu cung cấp thiết bị không xác định cụ thể xuất xứ của các thiết bị phụ đi kèm theo thiết bị chính nên thực tế nhà thầu bàn giao các thiết bị phụ không cùng hãng sản xuất với thiết bị chính (đối với danh mục hàng hoá số 25 và 91).

- Nhà thầu thực hiện không đúng Hợp đồng (đối với danh mục hàng hoá số 48) với số tiền là 12.500.000 đ.

6. Việc chấp hành quyết định thanh tra, cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn thanh tra đối với các gói thầu mua sắm trang thiết bị

Chủ đầu tư (Đài PTTH), một số đơn vị liên quan: Ban Quản lý dự án 1, đơn vị tư vấn, nhà thầu,... phối hợp tốt làm việc với Đoàn thanh tra. Tuy nhiên, do thời kỳ thanh tra dài (một số gói thầu mua sắm thực hiện năm 2016, 2018,...), có tính chất phức tạp, có liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên ngành, đa số các gói thầu mua sắm có liên quan đến nhiều đơn vị, doanh nghiệp có trụ sở ngoài địa bàn tỉnh

⁸³ Khoản 2 Điều 120 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP: “2. Người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc không xem xét, giải quyết kiến nghị trong trường hợp kiến nghị của nhà thầu không đáp ứng điều kiện nêu tại Điều 118 của Nghị định này”.

⁸⁴ Chỉ dẫn nhà thầu 15.5 và 32.4 Chương I Mẫu Hồ sơ mời thầu số 2B ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT:

- “15.5. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 12.1 (hoặc Mẫu số 12.2) Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này”.

- “32.4. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Không thương thảo đối với các nội dung nhà thầu chào đúng theo yêu cầu của E-HSMT”.

Sóc Trăng tham gia; có một số trường hợp Đoàn thanh tra mời tổ chức, đơn vị có liên quan đến làm việc nhưng không hợp tác (không đến dự làm việc), một số đơn vị viện lý do kéo dài thêm thời gian làm việc (cử người không đúng thành phần, người đại diện theo quy định pháp luật bận công tác,...), một số đơn vị (là nhà thầu, đơn vị báo giá cho đơn vị thẩm định giá, đơn vị tư vấn) đến nay đã giải thể, không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh,... (Đoàn thanh tra mời nhiều lần (mời lần 3, lần 4), đồng thời có văn bản gửi các Cơ quan Cục thuế, Chi cục thuế, UBND phường, Công an phường của một số địa phương (thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh) để xác minh tình trạng hoạt động; từ đó, làm ảnh hưởng đến thời hạn thanh tra.

C. KẾT LUẬN

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quản lý, điều hành thu, chi tài chính, ngân sách, xây dựng cơ bản và quản lý, sử dụng viên chức, người lao động tại Đài PTTH đã đạt được một số ưu điểm và tồn tại những hạn chế như sau:

I. ƯU ĐIỂM

- Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự kết hợp tốt giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc đã thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các hoạt động của chính quyền địa phương tới các tầng lớp nhân dân; cổ vũ, phát huy vai trò to lớn của nhân dân trong phát triển kinh tế-xã hội; quảng bá hình ảnh, thu hút các nguồn lực trong và ngoài tỉnh góp phần xây dựng và phát triển quê hương đất nước.

- Đội ngũ viên chức và người lao động của Đài PTTH đã phát huy lợi thế, vượt khó khăn, thách thức, cố gắng phấn đấu không ngừng để vươn lên tự sản xuất các chương trình giải trí, gameshow, thông báo, quảng cáo, phim tài liệu, phóng sự ngày càng nhiều và có chất lượng; trực tiếp truyền hình và phát thanh các sự kiện chính trị, văn hóa, văn nghệ của tỉnh nhà và các tỉnh bạn. Đội ngũ viên chức và người lao động đã có cố gắng phấn đấu xây dựng Đài ngày càng phát triển, phục vụ bạn xem, nghe đài ngày càng tốt hơn.

- Đơn vị lập, bảo quản và lưu trữ chứng từ kế toán đầy đủ theo quy định; có sử dụng phần mềm kế toán và mở sổ sách theo dõi, phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trên phần mềm, đáp ứng yêu cầu quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định.

- Giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2023, Đài PTTH đã áp dụng các văn bản của Nhà nước, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và ban hành theo thẩm quyền một số văn bản làm cơ sở pháp lý để thực hiện việc quản lý, sử dụng viên chức, người lao động. Cơ bản chấp hành các quy định pháp luật về tổ chức, bộ máy, số lượng cấp phó tại Đài PTTH. Sắp xếp cơ cấu tổ chức bên trong đúng theo quy định tại Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 17/02/2023.

- Trong thời gian thanh tra, đơn vị thực hiện đúng theo quyết định thanh tra và tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn thanh tra hoàn thành nhiệm vụ được giao; Phối hợp tốt với Đoàn, báo cáo, cung cấp hồ sơ, chứng từ kịp thời.

II. HẠN CHẾ

Bên cạnh những mặt đạt được nêu trên, Đài PTTH, các đơn vị liên quan vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, thiếu sót, sai phạm như sau:

- Ban Lãnh đạo Đài PTTH chưa quan tâm đến công tác tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật đến viên chức và người lao động; thiếu kiểm tra, giám sát trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành dẫn đến thực hiện chưa đúng quy định trong xây dựng phương án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, công tác tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức, người lao động và Đề án vị trí việc làm; xây dựng quy chế vận dụng các văn bản đã hết hiệu lực,... Đồng thời, chưa thực hiện nghiêm kết luận của cấp có thẩm quyền (kết luận của kiểm toán năm 2021).

- Giám đốc Đài PTTH thiếu kiểm tra, giám sát trong việc quản lý, sử dụng tài chính dẫn đến lập dự toán kinh phí đặt hàng chưa đúng quy định, một số nội dung trong Quy chế chi tiêu nội bộ chưa được sửa đổi, bổ sung theo quy định hiện hành; quản lý, sử dụng thanh quyết toán chứng từ kế toán chưa đúng quy định; kê khai sai, thiếu số thuế GTGT, TNDN, TNCN phải nộp ngân sách nhà nước; quyết định áp dụng các chương trình khuyến mại quá hạn mức đối với các hợp đồng dịch vụ tài trợ, thực hiện một số hợp đồng kinh tế dịch vụ quảng cáo không thông qua tập thể Ban Lãnh đạo Đài PTTH; việc mua phim và chương trình thực hiện hàng năm không thông qua tập thể Ban Lãnh đạo Đài PTTH, không tổ chức họp hội đồng, thiếu công khai, minh bạch; việc quản lý, sử dụng tài sản lỏng lẻo, dẫn đến mất 02 màn hình máy tính, bố trí, quản lý, sử dụng thiết bị không đúng quy mô đầu tư, thiết kế của dự án.

- Bộ phận tham mưu chưa làm tốt công tác tham mưu cho lãnh đạo dẫn đến các sai phạm, cụ thể:

+ Phòng Tổ chức và Hành chính chưa thực hiện tốt công tác tham mưu cho lãnh đạo trong công tác tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức, người lao động; tham mưu lãnh đạo điều chỉnh, phê duyệt Đề án vị trí việc làm không kịp thời; chưa tham mưu trong việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; không tham mưu kiểm kê hàng năm, quản lý, sử dụng tài sản chưa chặt chẽ.

+ Bộ phận kế toán tham mưu việc lập dự toán kinh phí đặt hàng chưa đúng quy định; tham mưu lãnh đạo thanh, quyết toán chưa đúng quy định; chưa tham mưu cho lãnh đạo thực hiện nghiêm kết luận của cấp có thẩm quyền (kết luận của kiểm toán năm 2021).

+ Bộ phận quảng cáo chưa thực hiện hết vai trò của cấp tham mưu thực hiện hợp đồng trùng lặp (nội dung, thời lượng, khung giờ phát sóng), khuyến mại chưa đảm bảo quy định làm ảnh hưởng đến doanh thu của Đài PTTH; hợp đồng chưa đảm bảo về giá trong một số trường hợp; xuất hoá đơn chưa đầy đủ so với khối lượng nghiệm thu.

+ Một số viên chức và người lao động hiểu chưa đúng đối với văn bản của cấp có thẩm quyền gây áp lực đến bộ phận chuyên môn và lãnh đạo Đài PTTH, từ đó dẫn đến một số mâu thuẫn trong nội bộ Đài PTTH.

Tổng sai phạm phát hiện qua thanh tra về tài chính và mua sắm trang thiết bị: 17.602.191.871 đ, cụ thể:

1. Về tài chính

1.1. Về lập dự toán thu (thu nguồn nguồn đặt hàng sản xuất các chương trình tuyên truyền)

Đơn vị lập dự toán kinh phí đặt hàng sản xuất các chương trình tuyên truyền không chính xác, dẫn đến chênh lệch giá trị dự toán, đơn giá: **5.586.578.310 đ.**

1.2. Việc thực hiện thu tiền từ hoạt động dịch vụ, sai phạm: 2.174.668.440 đ.

a) Giảm doanh thu: 1.617.561.165 đ

- Hợp đồng dịch vụ áp dụng đơn giá không đúng đối tượng không chịu thuế GTGT, dẫn đến chênh lệch đơn giá: **246.847.529 đ.**

- Hợp đồng dịch vụ với các cơ quan, sở, ngành có nội dung và khung giờ phát sóng trùng với hợp đồng đặt hàng, do Sở TTTT ký hợp đồng với Đài PTTH, số tiền: **1.034.050.000 đ.**

- Giảm doanh thu do đơn vị báo cáo trùng chỉ tiêu trên tờ khai: 336.663.636 đ.

b) Tăng doanh thu: 557.107.275 đ

- Hợp đồng dịch vụ nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành nhưng xuất hoá đơn tài chính phản ánh doanh thu chưa đầy đủ: 98.507.275 đ.

- Hợp đồng dịch vụ tài trợ, áp dụng chương trình khuyến mại vượt quá hạn mức tối đa 50%: 458.600.000 đ.

- Một số hợp đồng kinh tế dịch vụ quảng cáo có quy định mức giảm giá (tỷ lệ từ 33% - 40% giá trị hợp đồng) và cung ứng dịch vụ quảng cáo không thu tiền (tỷ lệ 100% giá trị hợp đồng), không thông qua tập thể Ban Lãnh đạo Đài PTTH, thiếu công khai, minh bạch về tổ chức, hoạt động của đơn vị tại Điều 9 và điểm d khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Ngoài ra, một số hợp đồng dịch vụ đã thực hiện nhưng không nghiệm thu, thanh lý; một số đơn giá thu dịch vụ ký hợp đồng dịch vụ với các sở, ngành cách tính đơn giá chưa phù hợp quy định.

1.3. Thực hiện dự toán chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp và hoạt động dịch vụ không đúng quy định: 8.746.680.881 đ.

a) Các khoản chi phí không hợp lý không được tính vào chi phí khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp: 8.717.881.571 đ, cụ thể:

- Thanh toán tiền tiếp công dân, xử lý đơn không đúng quy định: 38.400.000 đ (02 trường hợp).

- Chi thanh toán nhuận bút, thù lao cho Lãnh đạo Đài (02 người⁸⁵) và 25 % cho nhóm sản xuất chương trình tiếng dân tộc từ năm 2020 - 2022 (phát sóng VTV5), không quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ: 263.447.000 đ.

- Chi bồi dưỡng đội bảo vệ Đài PTTH, hạch toán vào chi phí không đúng quy định: 91.800.000 đ.

- Chi thù lao quảng cáo không đúng quy định: 2.888.498.750 đ (có quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ).

- Chi mua bánh cho con em viên chức, người lao động Tết Trung thu, không liên quan chi phí hợp lý: 29.850.000 đ.

- Thanh toán tiền nộp phạt hành chính, hạch toán vào chi phí không đúng quy định: 1.500.000 đ.

⁸⁵ Ông Nguyễn Văn Bón- Giám đốc, ông Lâm Vĩnh Phương- Phó Giám đốc.

- Các khoản chi không liên quan đến sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: 374.667.727 đ.

- Tăng chi phí do tính phân bổ thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ: -152.281.906 đ.

- Khoản trích nộp ngân sách nhà nước tiết kiệm năm 2021 (từ nguồn dịch vụ để lại); khoản nộp hoàn trả kinh phí tạm ứng của ngân sách tỉnh, không liên quan chi phí hợp lý: 5.182.000.000 đ.

b) Chi lương không đúng quy định: 28.799.310 đ (02 trường hợp).

1.4. Việc thực hiện mua phim và chương trình

Hàng năm Đài PTTH không ban hành kế hoạch phát sóng phim, chương trình; không họp hội đồng xét duyệt việc mua phim, chương trình để phát sóng; không có khảo sát giá (mua phim, chương trình) để xây dựng dự toán giá gói thầu và ban hành kế hoạch lựa chọn nhà thầu từ nguồn thu của đơn vị; không ban hành kế hoạch lựa chọn nhà thầu; thực hiện chỉ định thầu đối với các hợp đồng mua phim không đúng quy định; việc thực hiện mua phim và chương trình, Giám đốc không thông qua tập thể Ban Lãnh đạo Đài PTTH, không tổ chức họp hội đồng, thiếu công khai, minh bạch về tổ chức, hoạt động của đơn vị chưa đúng quy định tại Điều 9 và điểm d khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

1.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, sai phạm: 1.081.764.240 đ.

- Đơn vị khai sai thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp: 996.449.398 đ.

- Số tiền chậm nộp tiền thuế phát sinh theo quy định (tính đến ngày 26/4/2024): 85.314.842 đ.

1.6. Việc thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ

- Đơn vị không thực hiện bổ sung vào Quy chế chi tiêu nội bộ đối với nội dung theo văn bản góp ý của Sở Tài chính.

- Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 đến nay chưa được cập nhật điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung kịp thời, do một số văn bản đã hết hiệu lực.

1.7. Tình hình công nợ: Lãnh đạo Đài PTTH thiếu quan tâm, kiểm tra, đôn đốc, quản lý lỏng lẻo dẫn đến số nợ phải thu rất lớn trong thời gian dài, có một số khoản nợ từ năm 2015 chuyển sang, tiềm ẩn nguy cơ nợ khó đòi, cụ thể:

a) Các khoản phải thu

Tổng số nợ phải thu tính đến 31/12/2023: 19.528.479.373 đ, trong quá trình thanh tra các đơn vị đã thanh toán: 12.394.155.525 đ, số còn lại chưa thanh toán: 7.134.359.848 đ (tính đến ngày 25/4/2024).

b) Tình hình nợ tạm ứng của viên chức, người lao động

Tổng số nợ tạm ứng của viên chức, người lao động đến 31/12/2023: 1.001.083.011 đ, trong quá trình thanh tra đã thu hồi nợ tạm ứng: 507.204.758 đ, số còn phải thu hồi: 493.878.253 đ (tính đến ngày 25/4/2024).

1.8. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản cố định

Đơn vị không công khai mua sắm tài sản hàng năm; không lập sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng theo quy định; không thực hiện kiểm kê định kỳ hàng năm về tài sản cố định hiện có thực tế theo quy định; không xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định; Đơn vị lập thủ tục giao cho Đài truyền thanh các huyện, thị xã quản lý, sử dụng 16 thiết bị (cho mượn), thực hiện chưa đúng quy định; quản lý tài sản lỏng lẻo dẫn đến mất 02 màn hình Dell E2420H 23,8” (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng); bố trí, quản lý, sử dụng thiết bị không đúng quy mô đầu tư, thiết kế của dự án (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng, Gói thầu số 13 thuộc Dự án trang thiết bị Đài PTTH), hiện nay Gói thầu số 13 thuộc Dự án trang thiết bị Đài PTTH đã bố trí đúng dự án, tuy nhiên còn nhiều thiết bị không đúng dự án, do nhu cầu các bộ phận của Đài PTTH, đảm bảo sử dụng thiết bị hiệu quả.

2. CÁC DỰ ÁN, GÓI THẦU MUA SẮM TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ, sai phạm: 12.500.000 đ

2.1. Hồ sơ Báo cáo và khái toán

Thiếu nội dung, không phân tích chi tiết (Mua sắm thiết bị lưu trữ, Mua sắm Hệ thống phim trường ảo).

2.2. Về Danh mục và thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức, phương pháp xác định chi phí đối với trang thiết bị

Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực không quy định Danh mục và thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức, phương pháp xác định chi phí đối với thiết bị PTTH. Tuy nhiên Chủ đầu tư không có văn bản báo cáo và xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền để chỉ đạo việc thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn tham khảo, vận dụng định mức của dự án công nghệ thông tin để tính chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, xác định tổng mức đầu tư và dự toán là không có cơ sở, chưa được hướng dẫn, quy định của cơ quan có thẩm quyền (Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

2.3. Việc lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi

- Tổng mức đầu tư được xác định không phù hợp quy mô đầu tư (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng).

- Không phân tích rõ hiện trạng và nhu cầu đầu tư để xác định khối lượng đầu tư; Báo giá làm cơ sở xác định tổng mức đầu tư không ngày, tháng (Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

- Trách nhiệm của các đơn vị không phát hiện BCNCKT có sai sót: Sở Kế hoạch và Đầu tư (thẩm định BCNCKT Dự án thiết bị Đại Hội Đảng, Dự án trang thiết bị Đài PTTH), Ban QLDA 1 (tư vấn QLDA Dự án thiết bị Đại Hội Đảng).

2.4. Việc lập, thẩm định thiết kế thi công và dự toán (Thiết kế kỹ thuật và dự toán)

- Dự toán dự án không phù hợp với quy mô đầu tư; thiết kế, dự toán hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin không phù hợp quy định (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng).

- Đơn vị lập Thiết kế thi công và dự toán triển khai thực hiện gói thầu trước khi ký hợp đồng; Danh mục tất cả thiết bị trong Hồ sơ dự toán không có cột “đơn vị tính” nên không đủ cơ sở để xác định giá dự toán; Chi phí dịch vụ 165 triệu đồng không lập dự toán chi tiết chi phí dịch vụ theo quy định; 18 công tác nêu chỉ tiêu kỹ

thuật và yêu cầu kỹ thuật chung chung, không thể hiện chi tiết về thông số kỹ thuật nên việc xác định được giá dự toán là không đủ cơ sở, không có cơ sở cho việc mời thầu, thi công, lắp đặt, giám sát, nghiệm thu (Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

- Trách nhiệm của các đơn vị không phát hiện thiết kế- dự toán có sai sót: Sở TTTT (thẩm định Dự án thiết bị Đại Hội Đảng); Phòng Tổ chức và Hành chính thuộc Đài PTTH (thẩm định Dự án trang thiết bị Đài PTTH), Ban QLDA 1 (tư vấn QLDA Dự án thiết bị Đại Hội Đảng).

2.5. Việc thẩm định giá

- Hợp đồng thẩm định giá giữa Đài PTTH với các đơn vị thẩm định giá không kèm danh mục thiết bị thẩm định giá để làm cơ sở thẩm định giá; Thực hiện không đủ quy trình 06 bước theo Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05; Các đơn vị thẩm định giá sử dụng các cơ sở dữ liệu giá tham khảo không đầy đủ thông tin về thời điểm (không ghi ngày tháng năm) làm cơ sở so sánh, đánh giá; các đơn vị thẩm định giá không thực hiện phân tích, so sánh mức giá chào bán với giá thị trường, để có sự điều chỉnh hợp lý (Mua sắm thiết bị lưu trữ, Dự án thiết bị Đại Hội Đảng, Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

- Đơn vị thẩm định giá không lập Báo cáo kết quả thẩm định giá gửi cho Đài PTTH; Chứng thư thẩm định giá thực hiện không đúng biểu mẫu theo Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 06 (Mua sắm thiết bị lưu trữ).

- Các đơn vị thẩm định giá không có hồ sơ khảo sát thị trường, do Bảng chào giá/báo giá thông tin không rõ ràng, Phiếu thu thập thông tin thị trường không có ký xác nhận của người cung cấp thông tin (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng).

- Một số thiết bị trong Danh mục kèm theo 03 bảng chào giá/báo giá của 03 đơn vị chào giá/báo giá không đủ các thông tin chi tiết về thông số kỹ thuật (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng, Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

- Báo cáo kết quả thẩm định giá không thể hiện đơn vị tính, không đủ cơ sở làm tài liệu phục vụ việc thẩm định giá và ban hành Chứng thư thẩm định giá (Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

2.6. Việc thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Sở Tài chính không lập Báo cáo thẩm định KHLCNT (Mua sắm thiết bị lưu trữ, Mua sắm Hệ thống phim trường ảo).

2.7. Việc lựa chọn nhà thầu

2.7.1. Lập HSMT, HSYC

a) Hồ sơ yêu cầu có tiêu chí kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nhưng trong phần Ghi chú không hướng dẫn về khái niệm hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (Mua sắm thiết bị nâng cấp hệ thống lưu trữ).

b) Hồ sơ mời thầu không ghi thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa; Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm lớn hơn 04 lần so với mức tính toán thông thường, cao hơn mức yêu cầu của gói thầu, có thể hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu; nêu nhãn hiệu, hãng sản xuất của hàng hóa nhưng không ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” (Mua sắm Hệ thống phim trường ảo).

c) HSMT quy định thời gian gửi tài liệu sửa đổi ít hơn 07 ngày so với quy định (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng).

d) Tư vấn yêu cầu thêm vật tư, thiết bị, phần mềm không có trong hồ sơ thiết kế kỹ thuật (đối với Danh mục hàng hoá số 91 thuộc Gói thầu số 13 Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

2.7.2. Đánh giá HSDT, HSDX

- Thành viên Tổ chuyên gia không có Bản cam kết gửi bên mời thầu trước khi tiến hành đánh giá hồ sơ đề xuất (Mua sắm thiết bị lưu trữ).

- Đánh giá tính hợp lệ và nhân sự quản lý: Tổ chuyên gia căn cứ vào hồ sơ, tài liệu chưa đầy đủ tính pháp lý để đánh giá nhà thầu đạt yêu cầu (Mua sắm thiết bị lưu trữ).

- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự: Danh mục hàng hoá, thiết bị trong 01 hợp đồng do nhà thầu kê khai không cùng chủng loại, không tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét nhưng Tổ chuyên gia không kiến nghị bên mời thầu làm rõ HSDX và đánh giá đạt yêu cầu (Mua sắm thiết bị lưu trữ, Mua sắm Hệ thống phim trường ảo).

- Hợp đồng tương tự chỉ có một số thiết bị tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với thiết bị của gói thầu đang xét do đó không bảo đảm yêu cầu tiêu chí về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự, theo quy định (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng).

- Nhà thầu không ghi cụ thể nhãn hiệu, xuất xứ (đối với một số vật tư, thiết bị, phần mềm kèm theo) nhưng Tổ chuyên gia không làm rõ và đánh giá đạt yêu cầu (Gói thầu số 13 thuộc Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

2.7.3. Việc thẩm định HSMT, HSYC, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

- Thành viên Tổ thẩm định không đáp ứng yêu cầu về năng lực: Không có Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, không chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, không có Bản cam kết (Mua sắm thiết bị lưu trữ).

- Báo cáo thẩm định HSYC, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không đính kèm Bản chụp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, không Phụ lục danh mục tài liệu được cung cấp để thực hiện việc thẩm định hồ sơ yêu cầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Mua sắm thiết bị lưu trữ).

- Không có bản cam kết của thành viên tham gia tổ thẩm định theo quy định (Mua sắm Hệ thống phim trường ảo).

- Báo cáo thẩm định: Không đính kèm Bản chụp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu (Mua sắm Hệ thống phim trường ảo).

- Đơn vị thẩm định thực hiện chưa đảm bảo nội dung thẩm định theo quy định do không phát hiện nội dung HSMT, HSYC, việc đánh giá HSDT, HSDX chưa đảm bảo theo quy định (Mua sắm thiết bị lưu trữ, Mua sắm Hệ thống phim trường ảo, Dự án thiết bị Đại Hội Đảng, Gói thầu số 13 và Gói thầu số 14 thuộc Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

2.7.4. Việc giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu

Đài PTTH không thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc không xem xét, giải quyết kiến nghị trong trường hợp kiến nghị của nhà thầu không đáp ứng điều kiện (Gói thầu số 13 thuộc Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

2.7.5. Đài PTTH không yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa Nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá trong giai đoạn đánh giá hồ sơ dự thầu hoặc thương thảo hợp đồng (bao gồm 16 loại hàng hoá, thiết bị thuộc Gói thầu số 13; 04 loại hàng hóa, thiết bị thuộc Gói thầu số 14 thuộc Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

2.8. Việc ký hợp đồng, thực hiện hợp đồng mua sắm thiết bị

- Khi nhà thầu bàn giao thiết bị không nộp giấy chứng nhận chất lượng (Certificate of Quality - CQ) nhưng Đài PTTH vẫn nhận và nghiệm thu thiết bị (Mua sắm thiết bị lưu trữ).

- Không đủ cơ sở nghiệm thu, thanh toán đối với loa kiểm âm và tai nghe trong bộ Máy dựng hình HD, Chi phí phụ kiện, chi phí lắp đặt, đào tạo và chuyên gia công nghệ (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng).

- Đài PTTH và nhà thầu cung cấp thiết bị không xác định cụ thể xuất xứ của các thiết bị phụ đi kèm theo thiết bị chính nên thực tế nhà thầu bàn giao các thiết bị phụ không cùng hãng sản xuất với thiết bị chính (đối với 02 loại hàng hoá của Gói thầu số 13 thuộc Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

- Nhà thầu thực hiện không đúng Hợp đồng nhưng vẫn nghiệm thu, thanh toán, với số tiền là 12.500.000 đ (đối với 01 hàng hoá của Gói thầu số 13 thuộc Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

2.9. Chênh lệch giữa giá thẩm định giá, giá trúng thầu với giá nhập khẩu

Giá thẩm định giá và giá hợp đồng cao hơn 3,61 lần so với giá nhập khẩu, tổng giá trị chênh lệch 1.444.589.444 đ/04 bộ.

2.10. Mục tiêu đầu tư dự án

Không bảo đảm mục tiêu đầu tư Dự án về thực hiện phim tài liệu, phóng sự, chuyên đề để tuyên truyền, phục vụ, tương thuật trực tiếp chương trình Đại hội của các đảng bộ huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng. Do Đại hội Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 diễn ra ngày 14/10/2020, nhưng Dự án nghiệm thu hoàn thành ngày 28/12/2020. Tuy nhiên, UBND tỉnh chấp thuận cho tiếp tục thực hiện tại Công văn số 4388/VP-VX ngày 25/9/2020 (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng).

2.11. Áp dụng hình thức mua sắm không tập trung (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng)

a) Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh quy định không áp dụng mua sắm tập trung tại khoản 3 Điều 2 Quyết định số 346/QĐ-UBND, không đảm bảo quy định pháp luật.

b) Sở TTTT tham mưu UBND tỉnh chấp thuận cho Đài PTTH không mua sắm tập trung đối với thiết bị máy vi tính, không đảm bảo quy định pháp luật. Đồng thời, sai so với khoản 3 Điều 2 Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20/02/2020.

2.12. Đài PTTH sử dụng con dấu không đúng với Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu (Mua sắm Hệ thống phim trường ảo).

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. CHẤM CHỈNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ

1. Đối với Đài PTTH

Đề nghị Đài PTTH tăng cường công tác chỉ đạo quản lý, điều hành, phát huy những mặt đã đạt được, rút kinh nghiệm, chấn chỉnh vi phạm như nêu trên. Đồng thời trong thời gian tới, Lãnh đạo Đài PTTH tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành và thực hiện một số nội dung như sau:

- Chấp hành nghiêm pháp luật về tài chính, ngân sách, Luật Kế toán, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản có liên quan về quản lý, sử dụng tài sản công; Chỉ đạo Phòng Tổ chức và Hành chính (bộ phận kế toán) cập nhật các văn bản hiện hành kịp thời, kiểm tra chứng từ chặt chẽ trước khi tham mưu cho lãnh đạo trong việc thanh quyết toán theo đúng quy định, đồng thời phối hợp các bộ phận liên quan xây dựng, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ đúng quy định; tham mưu sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo quy định, kịp thời; xây dựng và ban hành quản lý, sử dụng tài sản công; kiểm kê, quản lý, sử dụng tài sản chặt chẽ, đảm bảo quy định, tránh thất thoát (quá trình kiểm kê, nếu có thất thoát, hư hỏng, xác định rõ nguyên nhân, xử lý theo quy định), rà soát những tài sản, công cụ, dụng cụ đã hết hao mòn, hư hỏng và tiến hành thanh lý theo quy định; Bố trí, quản lý, sử dụng trang thiết bị đúng quy định, tránh gây lãng phí (đối với Gói thầu số 13 thuộc Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

- Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật đến viên chức và người lao động, đồng thời thực hiện một số nội dung:

- + Chấp hành nghiêm Luật Viên chức, Luật Lao động, thực hiện đúng các văn bản quy định có liên quan đến công tác tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức, việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp. Giám đốc chỉ đạo Trưởng phòng Tổ chức và Hành chính nghiên cứu các văn bản Luật, văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản của cấp có thẩm quyền một cách đầy đủ, chặt chẽ trước khi tham mưu thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, việc sử dụng, quản lý viên chức và người lao động. Tổ chức khắc phục những hạn chế khuyết điểm đã được chỉ ra.

- + Tăng cường công tác tự kiểm tra thực hiện các quy định của pháp luật về sử dụng, quản lý viên chức để phát hiện sơ hở, hạn chế và có giải pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời.

- + Phê duyệt số lượng người làm việc việc hàng năm làm theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- + Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung Phương án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; tổ chức bộ máy để thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

- + Rà soát, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh Truyền hình và quyết định cụ thể số lượng cấp phó của Đài Phát thanh Truyền hình theo quy định pháp luật.

+ Sớm có kế hoạch tổ chức tuyển dụng đảm bảo đúng quy định pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi của viên chức và người lao động.

+ Rà soát, thực hiện việc bổ nhiệm ngạch và chuyển xếp lương đúng quy định pháp luật hiện hành; thực hiện xét chuyển chức danh nghề nghiệp khi viên chức thay đổi vị trí việc làm để đảm bảo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm mới; sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan của hợp đồng làm việc khi viên chức có thay đổi về nội dung công việc sau thời điểm ký hợp đồng làm việc.

+ Sớm tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III (hoặc tương đương) đối với viên chức thuộc thẩm quyền nhằm đảm bảo tương ứng với vị trí việc làm được phê duyệt.

+ Cử viên chức, người lao động bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp để hoàn thiện tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm.

+ Thực hiện ký hợp đồng làm việc với viên chức theo thẩm quyền phân cấp, bảo đảm theo đúng quy định khoản 2 Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

+ Thực hiện chi trả tiền lương đối với viên chức và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối với Sở Thông tin và Truyền thông

Tăng cường việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác đặt hàng hàng sản xuất các chương trình tuyên truyền nhiệm vụ chính trị phát trên sóng truyền hình, tham mưu thẩm định đầy đủ về thời lượng, số lượng chương trình phát sóng, đơn giá theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Đối với Sở Tài chính

Tăng cường việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác thẩm định dự toán kinh phí đặt hàng hàng sản xuất các chương trình tuyên truyền nhiệm vụ chính trị phát trên sóng truyền hình thực hiện đúng theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông; tham mưu cấp thẩm quyền điều chỉnh hoặc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 346/QĐ-UBND, do một số nội dung chưa đảm bảo quy định của pháp luật.

II. VỀ QUẢN LÝ VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đề nghị Đài PTTH thực hiện một số nội dung như sau:

- Việc bổ nhiệm chưa đủ tiêu chuẩn đối với bà Lê Thị Minh Thới (đang giữ ngạch cán sự), đề nghị hoàn thành tiêu chuẩn, điều kiện chức danh lãnh đạo, quản lý và thực hiện bổ nhiệm theo đúng quy định pháp luật trước ngày 19/9/2024.

- Việc bổ nhiệm chưa đảm bảo trình tự, thủ tục và hồ sơ bổ nhiệm đối với ông Lê Thanh Khiết và bà Sơn Kim Mỹ Anh, đề nghị thu hồi các quyết định⁸⁶ bổ nhiệm và thực hiện quy trình bổ nhiệm theo đúng quy định.

- Việc bổ nhiệm lại, điều động bổ nhiệm đối với ông Dương Thanh Hải chưa đảm bảo trình tự, thủ tục, đề nghị thu hồi đề nghị thu hồi quyết định⁸⁷; đồng thời rà soát các quyết định bổ nhiệm, điều động bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trước đây và thực hiện quy trình bổ nhiệm đúng quy định pháp luật.

⁸⁶ Quyết định số 138/QĐ-PTTH ngày 06/7/2021; Quyết định số 90/2023/QĐ-PTTH ngày 17/4/2023.

⁸⁷ Quyết định số 24/QĐ-PTTH ngày 21/01/2022.

- Về trường hợp không có quyết định bổ nhiệm lần đầu đối với ông Lê Thanh Tuấn, đề nghị rà soát lại quyết định bổ nhiệm lần đầu và thực hiện quy trình bổ nhiệm theo quy định.

- Việc bổ nhiệm lại thiếu Kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với ông Nguyễn Thanh Tùng, đề nghị thu hồi quyết định⁸⁸, đồng thời rà soát bổ sung đầy đủ hồ sơ và thực hiện quy trình bổ nhiệm theo quy định.

- Điều chỉnh quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch⁸⁹ và các quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với ông Trần Trường Duy Lâm cho phù hợp với kết quả tuyển dụng⁹⁰ và hướng dẫn⁹¹ của Sở Nội vụ.

- Thu hồi quyết định⁹² nâng bậc lương thường xuyên đối với ông Sơn Sivonh do văn bản ký lùi thời gian; đồng thời, quyết định nâng bậc lương thường xuyên và thực hiện chi trả lương đúng quy định nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

III. XỬ LÝ VỀ KINH TẾ (Phụ lục số 01)

Tổng số tiền kiến nghị xử lý về kinh tế: 8.292.386.389 đ⁹³, cụ thể:

1. Kiến nghị thu hồi vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra tỉnh: 6.867.475.839 đ, cụ thể:

- Việc lập dự toán kinh phí đặt hàng không chính xác, dẫn đến chênh lệch giá trị dự toán sản xuất chương trình truyền hình so với quy định: 5.586.578.310 đ.

- Hợp đồng dịch vụ áp dụng đơn giá không đúng đối tượng không chịu thuế GTGT, dẫn đến chênh lệch số tiền: 246.847.529 đ.

- Thu tiền từ hợp đồng dịch vụ của các cơ quan, sở, ngành có nội dung và khung giờ phát sóng trùng với hợp đồng đặt hàng, do Sở TTTT ký hợp đồng với Đài PTTH: 1.034.050.000 đ.

Đề nghị Giám đốc Đài Phát thanh Truyền hình Sóc Trăng chịu trách nhiệm thu hồi, nộp số tiền trên vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra tỉnh tại Kho bạc nhà nước tỉnh Sóc Trăng.

2. Thu hồi nộp vào nguồn thu của đơn vị: 330.646.310 đ, cụ thể

- Chi tiền tiếp công dân, xử lý đơn không đúng quy định (02 trường hợp): 38.400.000 đ.

- Chi thanh toán nhuận bút, thù lao cho Lãnh đạo Đài (02 người⁹⁴) và 25 % cho nhóm sản xuất chương trình tiếng dân tộc từ năm 2020 - 2022 (phát sóng VTV5), không có trong Quy chế chi tiêu nội bộ: 263.447.000 đ.

- Chi lương không đúng quy định (02 trường hợp): 28.799.310 đ.

3. Truy thu thuế và số tiền chậm nộp tiền thuế phát sinh vào ngân sách nhà nước, tổng số tiền: 1.081.764.240 đ.

⁸⁸ Quyết định số 25/QĐ-PTTH ngày 21/01/2022.

⁸⁹ Quyết định số 57/QĐ.NBL.09 ngày 18/9/2009 về việc tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch.

⁹⁰ Quyết định số 649/QĐ-SNV ngày 07/8/2009 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng về việc tuyển dụng, phân công viên chức sự nghiệp công lập năm 2009.

⁹¹ Công văn số 954/SNV-TCBM ngày 05/8/2009 của Giám đốc Sở Nội vụ về việc bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với viên chức sự nghiệp công lập trúng tuyển năm 2009

⁹² Quyết định số 147/QĐ-PTTH ghi ngày 26/7/2021.

⁹³ Trong đó: tài chính là 8.279.886.389 đ, mua sắm thiết bị là 12.500.000 đ.

⁹⁴ Ông Nguyễn Văn Bón- Giám đốc, ông Lâm Vĩnh Phương- Phó Giám đốc.

a) Số tiền truy thu thuế phải nộp: 996.449.398 đ, do kê khai sai số thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, cụ thể:

- Thuế GTGT (Tiểu mục 1701): 152.615.778 đ.
- Thuế TNDN (Tiểu mục 1052): 776.408.456 đ.
- Thuế TNCN (Tiểu mục 1001): 67.425.164 đ.

b) Số tiền chậm nộp tiền thuế phát sinh (tính đến ngày 26/4/2024): 85.314.842 đ, cụ thể:

- Tiền chậm nộp thuế GTGT (tiểu mục 4931): 28.898.522 đ.
- Tiền chậm nộp thuế TNDN (tiểu mục 4918): 38.210.972 đ.
- Tiền chậm nộp thuế TNCN (tiểu mục 4917): 18.205.348 đ.

4. Giảm trừ thanh toán: 12.500.000 đ (do Nhà thầu thực hiện không đúng Hợp đồng đối với danh mục hàng hoá số 48, Gói thầu số 13 thuộc Dự án trang thiết bị Đài PTTH).

5. Không thu hồi: 9.309.805.482 đ, do vi phạm về trình tự thủ tục, các khoản khuyến mãi vượt định mức, các khoản hạch toán doanh thu trùng trên tờ khai, phân ánh doanh thu chưa đầy đủ đã ghi nhận tăng, giảm doanh thu: 893.770.911 đ; các khoản chi phí không hợp lý không được tính vào chi phí khi quyết toán thuế TNDN: 8.416.034.571 đ (trích nộp dự toán tiết kiệm năm 2021, nộp hoàn trả kinh phí tạm ứng ngân sách, chi thù lao quảng cáo không đúng quy định, chi không liên quan đến hoạt động dịch vụ, tiền nộp phạt hành chính,...). Tuy nhiên, cần chấn chỉnh công tác quản lý và xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân để xảy ra sai phạm.

6. Đề nghị Đài PTTH tiến hành thu các khoản phải thu khách hàng và công nợ tạm ứng của viên chức, người lao động: 7.628.238.101 đ.

- Các khoản phải thu khách hàng còn phải thu hồi (tính đến ngày 25/4/2024): 7.134.359.848 đ.

- Số nợ tạm ứng của viên chức, người lao động còn phải thu hồi (tính đến ngày 25/4/2024): 493.878.253 đ.

7. Giám đốc Đài PTTH chỉ đạo Trưởng phòng Kỹ thuật mua hoàn trả 02 Màn hình Dell E2420H 23,8" cho Đài PTTH (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng), do quản lý không chặt chẽ dẫn đến mất tài sản của Đài PTTH; thu hồi 16 thiết bị cho 08 huyện, thị xã mượn, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện gửi về Thanh tra tỉnh.

III. XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Kiến nghị Cục thuế tỉnh xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, do khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, số tiền: **199.289.880 đ**, cụ thể:

- Tiền phạt thuế GTGT, TNDN (tiểu mục 4254): 185.804.847 đ.
- Tiền phạt thuế TNCN (tiểu mục 4268): 13.485.033 đ.

2. Yêu cầu Sở Tài chính chỉ đạo bộ phận chuyên môn tham mưu xử phạt vi phạm hành chính đúng thẩm quyền đối với Công ty Cổ phần thẩm định giá Thiên Phú, theo Điều 18 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính

phủ⁹⁵, do không thực hiện đầy đủ quy trình theo quy định của Tiêu chuẩn thẩm định giá số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Không xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Giám định và Thẩm định giá Thương Tín, Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ASCO-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, do hiện nay đã hết thời hiệu xử phạt (quá 02 năm).

IV. XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM (Phụ lục số 02)

1. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm điểm trách nhiệm đối với 12 cá nhân.

2. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét chỉ đạo xử lý đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm theo thẩm quyền, đối với 01 tập thể và 03 cá nhân sai phạm qua thanh tra (02 cá nhân tại Đài PTTH; 01 cá nhân tại Ban Quản lý dự án 1).

3. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh gửi văn bản đến Đảng ủy Khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh chỉ đạo Đảng ủy cơ sở xử lý về mặt đảng theo thẩm quyền đối với 12 cá nhân (04 cá nhân tại Đài PTTH; 02 cá nhân tại Ban Quản lý dự án 1; 03 cá nhân tại Sở TTTT; 03 cá nhân tại Sở Tài chính).

4. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh gửi văn bản đến Đảng ủy Khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh có văn bản chỉ đạo kiểm điểm trách nhiệm theo thẩm quyền đối với 08 cá nhân (02 cá nhân tại Đài PTTH; 03 cá nhân tại Sở Tài chính; 02 cá nhân tại Sở TTTT; 01 cá nhân tại Sở KHĐT).

5. Không xử lý trách nhiệm đối với 02 cá nhân (trong đó: 01 cá nhân nghỉ việc (hiện nay không còn làm việc trong hệ thống cơ quan nhà nước), 01 cá nhân đã chết).

V. KIẾN NGHỊ CHUYỂN HỒ SƠ VỤ VIỆC SAI PHẠM SANG CƠ QUAN ĐIỀU TRA

Hợp đồng thẩm định giá giữa Đài PTTH với Công ty Thương Tín không kèm danh mục⁹⁶ thiết bị thẩm định giá để làm cơ sở thẩm định giá (thiếu thông tin chính về tài sản thẩm định giá: tên và chủng loại tài sản, đặc điểm về mặt pháp lý và kinh tế - kỹ thuật); tại thời điểm ban hành Chứng thư thẩm định giá không có Báo cáo kết quả thẩm định giá, nhưng Đài PTTH không yêu cầu đơn vị thẩm định giá (Công ty TNHH Giám định và Thẩm định giá Thương Tín) gửi cung cấp báo cáo kết quả thẩm định giá theo quy định, vi phạm tại khoản 1, khoản 7 Mục II Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05- Quy trình thẩm định giá ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BTC.

Như vậy, Đài PTTH thiếu trách nhiệm thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao không kiểm tra, giám sát việc thẩm định giá, dẫn đến chênh lệch giá hợp đồng, giá thẩm định giá với giá nhập khẩu: Giá thẩm định giá và giá hợp đồng cao hơn 3,61 lần so với giá nhập khẩu, tổng giá trị chênh lệch 1.444.589.444 đ/04 bộ (Mua sắm thiết bị nâng cấp hệ thống lưu trữ), có dấu

⁹⁵ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

⁹⁶ Trong hợp đồng tại trang 1 có thể hiện kèm theo nhưng thực tế không kèm theo danh mục.

hiệu vi phạm quy định thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng tại Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 128 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13.

VI. KIẾN NGHỊ CHỦ TỊCH UBND TỈNH SÓC TRĂNG

1. Chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh nội dung tại khoản 3 Điều 2 Quyết định số 346/QĐ-UBND, phù hợp quy định pháp luật (Dự án thiết bị Đại Hội Đảng).

2. Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực (Bộ TTTT) ban hành quy định về Danh mục và thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức, phương pháp xác định chi phí đối với thiết bị phát thanh truyền hình.

3. Ban hành văn bản xử lý và chỉ đạo việc thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 103 Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 ngày 14/11/2022 của Quốc hội./

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- Ban Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Đài PTTH Sóc Trăng;
- Sở TTTT (Trích KLTT);
- Sở Tài chính (Trích KLTT);
- Sở KHĐT (Trích KLTT);
- Phòng TT PCTN GSKT&XLSTT;
- Thành viên Đoàn thanh tra;
- Lưu: VT, HS Đoàn thanh tra.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Việt Hoàn